

TRITÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HÀNG TUẦN

Mục lục

- | | |
|---|-------------------------|
| * Xung quanh vấn đề « Lập ngôn » | Hoa-Bằng |
| * Tùy hứng | Đầu-Tiếp — Bà Văn-Đài |
| | Song-Cối |
| * Đại-nam đặt-sự (XXVIII) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Dịch thơ Đường | Trúc-Khê |
| * Lý-thường-Kiệt | Ứng-Hòa |
| * Trung ngôn : Sử bút đời nay ! | Trãi-Quan |
| * Hai bài văn xuất-xứ ở đâu ? | Từ Ngạc |
| * Văn học Việt-Nam hiện đại
(1900-1940) (II) | Lê-Thanh |
| * Dấu cũ chuyện xưa | Tiên-Đàm — Nguyễn-Huỳnh |
| * Những ông nghề triều Lê (LXXIX) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết XXII) | Chu-Thiên |



Tòa báo : 95-97, Chancéaulme, Hanoi

Một năm 18\$00 — 6 tháng 9\$50 — 3 tháng 5\$00 — Mỗi số 0\$40

Lưu-quang vấn-Đề

« LẬP-NGÔN »

HOA-BẢNG

Đời Trần (1225-1400) rất thận trọng đối với vấn đề cho in sách vở: phẩm các thơ văn trong nước, không cứ của ai, đều phải chịu chung một chế-độ: có được nhà vua hạ chỉ chuẩn y mới được phép in và phát hành. Chứng có ấy tôi thấy ở trong lời tựa của Hoàng Đức-Lương tiên-sinh, người đời Hồng-đức (1470-1497) đề ở đầu cuốn *Trích điểm thi tập*: « *Trần-thì, thi văn vị đắc chỉ, bất cảm san hành* » (1).

Nghề làm sách thường phải đi đôi với thuật ấn-loát. Nếu thuật ấn-loát không tinh-xảo, không phát đạt thì Triều-đình dù có hết sức khuyến-khích, thả lỏng cho các ngòi bút được tự-do đi nữa nhưng nghề làm sách chưa chắc đã dễ tấn tới được. Có lẽ vì thế là một khi tác-giả cảm-cuội bị-hại, vô đầu bóp trán hàng mấy năm hoặc mười mười lăm năm mới làm xong được bộ sách, rồi lại đề mục trong tủ vì khó tìm phương-thế để in ra được thì ai còn dám nhúng vào một việc « *dã-tràng* » ấy nữa?

Có lẽ vì vậy rõ chỗ nhu-yếu ấy, nên cụ Lương-Như-Hộc đã làm được một việc có công lớn với phương-diện văn-lóa nước nhà.

Nguyên Lương-Như-Hộc là người làng Hồng-lục, huyện Gia-lộc, tỉnh

Hải-dương, đỗ thám-hoa khoa nhâm-thìn đời Lê Đại-bảo (1440-1442). Hai lần đi sứ Trung-quốc, Lương có đề ý quan sát nghề khắc mộc-bản của người Tàu. Khi đi sứ về, Lương dạy người làng học làm nghề ấy để khắc các bản kinh, sử, in và phát hành ra đời. Rồi người làng Liễu-tràng, tổng Thạch-khôi, huyện Gia-lộc, tỉnh Hải-dương cũng học được nghề khắc gỗ, nên người làng này rất nổi tiếng về nghề làm mộc-bản từ bấy đến giờ. Về sau, người làng Liễu-tràng lập đền, thờ Lương làm tiên sư (2).

Nhờ có nghề ấn-loát của Tàu nhập cảng vào nước ta từ đó, nên việc trước thư lập ngôn càng ngày càng thịnh-đạt thêm.

Trải các triều đại, nhiều khi công-cuộc trước-thuật cũng được Triều-đình tưởng-lệ, chẳng hạn như việc Phan Huy-Chú tiên-sinh (1781-1840) làm bộ *Lịch-triều hiễn-chương* dâng-dâng hàng 11 năm (1809-1820), đến năm Minh-mạng nguyên-niên (1820), dâng sách ấy lên vua Thánh-tổ, tác-giả được thưởng:

30 lạng bạc,
1 chiếc áo sa,
30 ngọn bút tàu,
30 thoi mực tàu (3)

Có điều đáng tiếc là, hồi đầu niên-hiệu Minh-mạng, trong nước

đang hưởng thái-bình, mà tác-giả *Lịch-triều hiễn-chương* còn sống, sao đương thời không cho khắc ngay bộ sách rất có giá-trị ấy để truyền rộng ra đời, để giúp cho đời sau một món tài-liệu rất quý về sử-học, văn học, và để tránh cái nạn tam sao thất bản như bây giờ vì sách ấy đến nay vẫn chỉ có những bản chép tay.

Đến khi tiếp xúc Âu-tây, nước ta lại thêm nghề in hoạt-bản nữa.

Một khi chữ quốc-ngữ đã thịnh-hành và phương-thuật ấn loát đã tiện lợi, lẽ tất nhiên công việc làm sách cũng do đó mà tiến lên.

Các bậc tiền-khu của ta, trong khi mới cũ giáp hạt, rất để ý đến việc làm sách, dịch sách, nên đã lớn tiếng hô-hào cổ-động từ năm 1907.

Ngày 15 tháng sáu, năm đinh-mùi (1907), các ông Đỗ-văn-Tâm, Trần-văn-Thông, Lương-văn-Can, Nguyễn Liên, Đỗ Thận, Bùi đình-Tá, Đào-văn-Sử, Phạm-văn-Phủ, Phạm-xuân-Tuyệt, Hàn-thái-Dương và Nguyễn-văn-Vĩnh có làm một tờ đặt cổ-động việc lập *Hội Dịch sách, Bắc-kỳ*, mục-dịch là « *để dịch ra tiếng bản-quốc các sách hay của Đại Pháp và của nước Tàu.* »

Qua ngày 26 tháng sáu ta ấy (chủ-nhật, 4 août, 1907), Hội Dịch sách đó nhóm hội - đồng lâm-thời (4) tại hội quán Trí-trí, số 59, phố Hàng Quạt, Hà-nội. Ông Nguyễn Văn-Vĩnh, chủ bút *Đông cổ lung báo*, có đọc một bài diễn văn, trong có những chỗ cốt yếu như:

«...bây giờ những người học được các sách hay của ngoại quốc, mà cứ đem tiếng bản-quốc dịch ra rồi được ít nào hay chút ấy, thì người xem đến, đâu không biết được hết nghĩa, nhưng cũng võ được đại khái, khi đã có nhiều người nghe phang phác được cái tư-tưởng của người ta, rồi lúc bấy giờ có mượn những tư-tưởng ấy mà làm ra sách nôm ta thì mới có nhiều người hiểu...»

Rồi diễn-giả lại nói chẵn trở về công việc Hội sẽ làm:

«...Chúng tôi cũng biết rằng sách dịch ra bấy giờ, đời sau là có người chê, nhưng có thể mới gọi là tiến bộ, chúng tôi cũng sẽ thỏa lòng rằng: mình

đã có cảm nên lên trước, cho nên mới có kẻ theo hút sau...»

Sau, chứng theo đuổi công-việc ấy, ông Vĩnh có ra được từ sách «Ấu tây tư tưởng» và ông Phan Kế-Binh có làm được những sách như truyện dức Trần Hưng-đạo và truyện Nam-hải dị-nhân, v. v.

Ngày 18 tháng 9 năm Khải-dịnh thứ 2 (1917), vua Khải-Dịnh có ra một đạo dụ khuyến trước thư lập ngôn nguyên văn bằng chữ hán, ông Ti-trọng-Chi dịch ra quốc-văn, trước có đăng trên *Nam-phong*,

được văn mình, của nước đời-dào, giao lân hờ-mục để vui vẻ đón lấy cái hạnh phúc lâu dài, và phẩm có nghề gì, nghiệp gì, làm ích lợi về sự gì, hay là làm ra sách gì, có phương-châm, có yếu-diêm, để dạy bảo dân ta, hậu sinh lợi dụng, chuẩn cho dân bầy phương sách, xem thử tài-năng, nếu quả là hợp thời, rồi sẽ ban thưởng ban quan cho xứng đáng...»

Vì đạo Dụ này, nên có vài là trong văn-lọc giới và nhiều người ở đương-thời hoặc được duong-buồm bề trên, rộng bước đường mai, hoặc được ân tứ hân-lâm, thăm nhần mua mớ

Cổ lệ tuy là phận-sự của nhà đương đạo, nhưng lập chí là vì lợi ích của sĩ-phu. May, rủi cũng, đại tuy là sở ngộ riêng của từng người, nhưng văn-chương nào sống với thời-gian nới đáng gọi là «bất tử».

HOA-BẮNG

1) Nghĩa là đời Trần, phẩm thơ văn chưa được nhà vua thưởng chỉ-dụ cho phép thì không được khắc in và lưu hành

2) Theo *lĩnh-lâm* ở g phong vật chữ nguyên văn bằng chữ hán của Trần Đạm-trai, làm năm lần mai, niên-hiệu Gia long thứ 10 (1811).

3) Xin coi lại bài «Phan Huy-Châu với bộ Lịch triều hiến chương» đăng trong T. I, số 55, trang 3.

4) Bưu hội đồng này có hơn 300 người tới dự

5) *Đã-lộ* thư xã, Hà-nội, xuất bản, 1944.

HÁT NÓI

Chim én vào thuyền

Hỗ-nam phiêu bạt

Bóng thềm quang qua mắt mấy lần rồi?
Ờ ờ! lần này nữa là hai,
Kìa con én, lại tha bùn làm lồi!
Vườn cũ, xưa vào từng biết chủ (1),
Đường xa, nay cũng kiếm ra người!
Khá thương thay cái kiếp chưa trôi,
Đến đâu cũng lui cui làm lồi.
Đời vô-dịnh, rày đây mai đó,
Gẫm thân kia, nào có khác thân này!
Một lá thuyền, mặt nước chân mây,
Rày có bạn, cũng khua niềm cổ li.
Trên cột buồm, Chim ca vui nhĩ!
Ủa! vì sao: chưa mấy tí, đã tung bay?
Vẫy-vùng hoa nước một mây,
Đề ai riêng đỗ bến này lồi Chim!
Sầu buồn, thôi lại buồn thêm!

ĐAU-TIỆP

(Theo Đỗ Phủ) (2)

1.— Nói chim én xưa đã vào nhà mình.

2.— Nguyên-văn: *Hỗ-nam* vì khách động kinh xuân, *Yến tử* hăm nề lưỡng độ tân. *Cựu nhập cổ-viên* tăng thức chủ, *Như kim xã-nhật viễn* khạp nhân. *Khả lân xứ-xứ* sào cư thất, *Hà dị phiêu-phieu* thác thử thân? *Tạm ngọa thuyền* lưỡng hoàn khởi khứ, *Xuyên hoa lạc thủy* ích triêm can.

nay có in trong *Thượng chí văn tập*, II (5), trang 73-75. Giờ xin trích ra đây ít câu để góp thêm tài liệu vào vấn đề này:

«...hề ai tự thừa sinh bịnh, sẵn tài kinh tế, chuẩn cho lính nghĩ phương-lược, làm thế nào cho dân được giàu thịnh, nước

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 28

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TO

XXI. — Vương-Thức

Những đô hộ hoặc kinh-lược ở Tàu sang về kỷ Bắc thuộc thứ năm, trên hết có Triệu-Xương là người có công-dức với nước với dân, đến nay hãy còn có làng thờ làm thành-hoàng, thứ đến Trương-Chu, Lý-nguyên Gia, cũng là người có công với thành Đại-la, Mã-Tổng Mã Thục là người thanh-liêm giản-dị, dân được nhờ ơn. Lại có người bắt quân-sĩ làm khổ nhục, như Bùi-Thái bị đuổi, tham-lam độc-ác, như Lý-lượng-Cồ bị giết. Ngoài ra như Hàn-uớc, Vũ Hồn đều bị chạy về châu Quảng, Quế-trọng-Vũ, Bùi-nguyên-Dụ, là người không có việc gì đáng kể, tôi đã lược qua ở mấy bài trên.

Nay lại có một người tên là Vương-Thức, cũng có thể ngang với Triệu-Xương mà đề tiếng nghìn năm.

Nguyên kinh-lược Bùi-nguyên-Dụ đánh đuổi quân Nam-chiếu vào năm 846; Mười năm sau châu Giao thường mắc nạn bên-giới, cho nên đến tháng tư năm thứ 11 hiệu Đại-trung (857), vua Đường Tuyên-tông cho chức Lữ-can Ngưu-Vệ đại-tướng-quân là Chu-Nhai thăng làm An-nam đô-hộ kinh-lược-sứ. Chưa đầy một năm, lại về châu Quảng (*Khâm-định*, *Tiền biên*, q. 4, tờ 36 a và 36 b).

Đến tháng giêng năm thứ 12 hiệu Đại-trung (858), vua Đường cho Vương-Thức sang làm An-nam đô-hộ kinh-lược-sứ.

Wong-Thức là con tể-tướng

Vương-Khởi người tỉnh Thái-nguyên bên Tàu, đỗ khoa hiên-phương-phương-chính, trong hiệu Đại-trung (847-859) làm thứ-sử châu Tấn, có đến vài ba nghìn dân phiêu-lưu nhờ ông mà được sống, được tiếng khen là người có thiện-chính, thăng làm An-nam đô-hộ.

Đô-hộ trước là Điền-Hạ làm lũy bằng gỗ, hàng năm phải thu tiền của dân; làm như thế, đã không xong, mà mỗi kỳ thu, lại phải đi đốc-thúc mới được. Đến Vương-Thức lấy bản tiền thuế một năm, đi mua thứ gỗ thích-mộc, giồng quanh khắp 12 dặm, thả những thuế ngoại-phụ bằng năm, để dân được thư-thái, đào hào buộc lũy, ở ngoài lại giồng tre gai, cướp không thể vào được. Sau Man-binh đến cướp ở bến Cầm-diên, Vương-Thức sai người thông-dịch hiều-dụ. Có một đêm quân Man đi hết, sai người đến tạ rằng: Chúng tôi tự đến bắt nhưng quân làm phản của chúng tôi; không phải làm giặc đâu. (Trên này dịch theo *Khâm-định*, *Tiền biên*, q. 4, tờ 36 b 37 a, dẫn *Đường-thư*).

Đại-việt sử ký, *tiền biên*, (q. 6, tờ 13 b 14 a), *Sử ký toàn-thư* (q. 5, tờ 8 b và 9 a), *Việt-kiều-thư* (q. 4, tờ 10 b) và *An-nam chí nguyên* (q. 2, trang 160) lại chép hơi khác như sau này:

Wong-Thức là người có tài-lược, đến phủ giồng thứ gỗ thích-

mộc làm lũy, vì gỗ ấy có thể bền được vài mươi năm, ở ngoài đào hào sâu để cho nước trong thành chảy ra, trên giồng tre gai, trộm cướp không thể vào được. Lại tuyển những quân lính tinh-nhuệ. Cách ít lâu có Nam-man kéo đại-quân đến, đóng đồn ở bến Cầm-diên, cách phủ thành châu Giao độ nửa ngày, Vương-Thức vẫn điềm-nhiên, sai thông-dịch đến dụ, bày tỏ điều lợi hại. Rồi một đêm quân Man kéo đi hết sai người tạ rằng: « Chúng tôi tự bắt quân làm phản chúng tôi, không phải làm giặc đâu ».

Lại khi Vương-Thức đến phủ, có chức đô-hiệu (cũng như đô-tướng) là La-hành-Cung chuyên quyền chính-phủ đã lâu, quân huy-hạ của Cung có đến 2000 tinh-binh, mà quân trong phủ đô-hộ chỉ độ vài trăm quân gây-ròm? Thức đến nói kể tội rồi đánh Hành-Cung và truất không cho làm quan nữa.

Trước đời Vương-Thức (không rõ năm nào), Lý Trác làm đô-hộ, độc-ác tham-lam, lấy một dấu muối đổi một con trâu, dân trong châu không chịu nổi, liên-kết với tướng Nam-Chiếu là Đoàn-tù Thiên vào cướp Phủ đô-hộ, gọi là Bạch-y một-mệnh-quân (tức như quân cảm-tử bảy giờ.) Trác lại giết tù-trưởng của người Nam là Đỗ-tồn-Thành, các bọn khác liền lên oán giận, dẫn Nam-Chiếu vào cướp biên giới, từ bấy giờ Giao-châu mới có cái nạn quấy nhiễu ngoài biên. Đến đây (tức là tháng 5, năm 858) Quân Man vào ăn cướp, Vương Thức đánh đuổi được.

(Xem tiếp trang 21)

DỊCH THƠ ĐUÔNG

TRÚC-KHÊ

羌村

Khương thôn

皤皤赤雲西

Tranh vân xích vân tây

白鷺在平地

Nhật cước tại bình địa

柴門鳥雀噪

Sài môn điểu lạc táo

歸客千里至

Quy khách thiên lý chí

妻孥怪我在

Thê nọa quái ngã tại

驚定還拭淚

Kinh định hoàn thức lệ

世亂遭飄蕩

Thế loạn tao phiêu đảng

生還偶然遂

Sinh hoàn ngẫu nhiên tụy

鄰人滿牆頭

Lân nhân mãn tường đầu

感歎亦歔歔

Cảm thán diệc khư hý

夜闌更秉燭

Đạ lan cánh bình chúc

相對如夢寐

Tương đối như mộng mỹ

ĐỖ PHỦ

Thống chế Pétain
đã nói :

Môn chính trị, môn chính trị chân chính vừa là một khoa-học, vừa là một nghệ thuật. Mục đích chính trị là làm cho dân tộc thịnh vượng, cho văn-hóa rực rỡ, cho tổ quốc trường tồn. Môn chính trị là một phương pháp thống trị nhân dân hợp với quyền lợi chung và lợi cao của họ.

GIẢI THÍCH

Cuối đời Thiên-bảo, An-Lộc-Sơn nổi loạn, vào chiếm kinh thành Tràng-an, vua Huyền-tôn phải chạy vào Thục. Sau Hoàng thái tử lên ngôi ở đất Linh-vô, tức là vua Túc-tôn. Đỗ Phủ bấy giờ cùng với gia quyến ở Khương thôn thuộc về Lộc-châu, nghe được tin tân quân mới lập, bèn từ gia vợ con, đi lên đến nơi hành-tại. Không ngờ giữa đường bị giặc bắt, phải hãm mất mấy tháng trời. Mãi sau Đỗ mới lại trốn được đến Linh-vô. Túc-tôn cho ông làm chức Tả Thập-di. Trong khi ấy vợ con ở nhà cùng quần ki ở sở, có vài người con nhỏ đến nỗi chết vì đói khát. Vua Túc-tôn nhân cho ông được phép về thăm.

Bài thơ này ông làm khi về Khương-thôn cùng vợ con gặp mặt. Chénb vênh mây đỏ ở đằng phía tây, tia mặt trời như những

cải chân chỉ rỗng mặt đất, đó là cảnh tượng lúc mặt trời sắp lặn. Cửa sài chum kêu diu diu, khách xa chợt từ ngoài gõ gõ dậm bước về. Vợ con đều ngạc nhiên thấy ta lại còn, ban đầu thì gặt hái, sau mới định thần lên đưa tay lên gạt nước mắt. Đời loạn gặp bước nổi trôi, sự sống về bỗng chốc thỏa lòng mơ ước. Xóm giềng đều ngỡ rằng cớ đây cả đầu tường ngõ sang, ai cũng cảm động phàn nàn và ca kết. Đêm khuya trong nhà còn dốt đèn lòi-lọi, nhìn nhau bàng-quái g tưởng chừng như gặp tử vong giấc chiêm-bao.

Bài này người ta khen mỗi chữ trôi lời như trạm khảo cả gan ruột ra, tình cảm linh động như niêu mưa ở trên mặt giấy.

DỊCH RA THƠ

Khương thôn

Mây đỏ ngắt ngàn tây,
Tia nắng chỉ xuống đất.
Cửa sài chum kêu ran,
Khách xa về lật dậm.
Vợ con lạ ta còn,
Mừng rửa ứa nước mắt.
Đời loạn trôi giạt trôi,
Bỗng chốc trông thấy mặt.
Hàng xóm ngỡ đầu tường,
Than-thở tiếng thưa nhạt.
Đêm khuya quanh dưới đèn,
Nhìn nhau mộng hay thật?

TRÚC KHÊ dịch

Hộp thư

Một độc giả đã gửi về tòa báo 189 bằng ngân phiếu số 044565-076 mà không ghi tên và địa chỉ.

Vì nào đã gửi ngân phiếu xa gửi tòa báo biết ngay để tiện việc vào sổ.

LÝ-THƯỜNG-KIỆT

Ứng-hoà NGUYỄN-VAN-TỐ

Tạp-chí Văn mới, số 26 và 27, ra ngày 25-1-1944, in một tập đề là *Lý thường-Kiệt Bắc phạt*, ông Nguyễn-tế-Mỹ biên-khảo; sách dày 150 trang, khổ rộng một bề 11 phân tây và một bề 13 phân.

Văn mới viết một bài ở đầu sách, đề là *Lời lòn soạn*, trong có câu: «... Những hành động của người anh-hùng ở thời xưa không thể làm kiểu mẫu cho hành động của người ở thời nay được». Văn mới nói câu ấy nhằm; vì đã gọi là anh-hùng, tức là bậc tài giỏi, có chí-khí hơn người, thì việc làm tất đường-đường chính-chính, không có một việc gì khuất-khúc; nếu eay có tài mà làm việc khuất-khúc, thì là gian-hùng, chứ không phải anh-hùng. Ở thời nào cũng vậy, những việc làm chính đáng, cần phải học theo, sao lại nói « không thể làm kiểu-mẫu... được »?

Văn mới cắt nghĩa thêm một câu rằng: « Nói khác đi, những hành động quá vãng ấy chỉ còn một giá trị lịch sử chứ không phải một giá trị thực tại ». Câu ấy đặt theo lối văn tây, sợ người không học chữ tây không hiểu; đại-dề nghĩa là: những việc làm của bậc anh-hùng đời trước, chỉ còn chép ở trong sử, chứ không đem ra mà làm vào thời nay được. Nghĩa như thế, thật thà quá: ai lại không biết việc giong (ọc ở sông Bạch-đăng của Hưng-đạo-vương, việc làm chòi ở dinh Bồ-đề để dòm giặc của Lê Thái tổ, không thể bắt-chước mà

làm vào thời nay được? Nhưng chí-khí của những bậc anh-hùng ấy là yêu nước cứu dân, như Hưng-đạo vương nói « Trước chặt đầu tôi, sau hãy hàng giặc » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 8, tờ 33 b), rồi bày mưu lập kế, đánh lại quân Nguyên, không chịu mất một tấc đất nào. Lê Thái-Tổ nói « Trương phu ở đời, nên dẹp nạn lớn, lập công to,... việc gì cứ khu-khu làm đầy tớ người? » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 13, tờ 1 b), rồi thu-dụng hào-kiệt, chiêu-dụ lưu-dân, đánh đuổi người Minh ra khỏi đất nước. Ấy cái chí-khí của bậc anh-hùng thời xưa là thế, đáng làm gương cho thời nay; còn đến việc làm thì mỗi thời mỗi khác, nhưng tinh-thần vẫn giống nhau. Dem gương các bậc đời xưa làm cho sáng thêm ra, chính là một việc cần, không những là để cho người khác học ơn người xưa, lại còn để làm kiểu-mẫu nữa.

Đến mấy lời của ông Nguyễn-tế-Mỹ là tác-giả quyển sách này cũng nhằm, lại có ý thiên nữa. Ông nói rằng: « Ta sẽ đời được vĩ-nhân sử thành dân-tộc sử để chứng tỏ rằng sự hưng thịnh, hùng cường của một quốc-gia nhờ dân trí tiến hóa hơn là nhờ thủ đoạn siêu-việt của một thiểu số cá-nhân, cho dầu cá nhân ấy là Lý-thường-Kiệt, Trần-quốc-Tuấn, Lê Lợi hay Nguyễn-Huệ »! Sao ông lại nói « đời được vĩ-nhân sử »? Việc nhà làm

sử là cố khôi-phục lấy sự thực, tìm tài-liệu cho đủ, phê-phán cho chính-dáng, chứ không quyền gì đời được sử này ra sử khác? Giá đời được thì không phải là khách-quan nữa, vì khách-quan là thấy thế nào chép thế, chỉ khó là ở chỗ tìm sao cho đủ tài-liệu, bêu sao cho hết sự thực, rồi nghị-luận cho xác-dáng, việc dù hay dù dở, cứ thế mà chép, không nên vin vào thuyết này thuyết khác mà chép thiên cho một bên. Ở đây ông Nguyễn-tế-Mỹ theo thuyết dân-cử; ông dựa vào sách nào, mà bảo là « sự hưng-thịnh, hùng cường... nhờ dân trí », chứ không phải nhờ « một thiểu số cá-nhân »? Tôi dám chắc rằng ông không dẫn sách nào ra làm chứng được, vì không sách nào chép như thế, mà xã-hội đời xưa chuyên theo một chế-độ là chế-độ tôn-ty, nước thì có vua tôi, nhà thì có cha con, bao giờ cũng có trật-tự. Vả lại, không cứ nước ta, hiện nay các nước dân-chủ bên Âu Mỹ, dù là văn-minh đến cực-điểm, dân-trí cao đến tột bậc, cũng phải có người cầm đầu, tức là có trật-tự; thế mà ông Nguyễn-tế-Mỹ lại nói «... hơn là nhờ... một thiểu số cá nhân, ... dẫn là Lý-thường-Kiệt... », như thế không những là có tội với các bậc anh-hùng đời xưa, lại có tội cả với nước Nam ta nữa, vì cố ý làm cho người ta giảm bớt lòng sùng bái vị-nhân. Vả lại như thế là ông dùng phương-pháp « quá chủ

quan», chứ không phải «phương pháp viết sử thật khoa học khách quan», như lời ông nói trong bài tựa. Ông nói: «...phương pháp viết sử quá chủ quan tự những thời phong-kiến còn lại». Sách nào chép từ đời phong-kiến? Sử ta đến đời Trần mới chép, mà đời Trần không phải là đời phong-kiến, tuy đời Trần có phong tục, có thái-áp (cho ăn lộc mấy làng hoặc bao nhiêu mẫu ruộng), nhưng không hẳn như lối phong-kiến nhà Chu bên Tàu và các nước bên Tây. Dù có muốn gán cho đời Trần là đời phong-kiến, cũng không thể nói sử-thần đời Trần «quá chủ quan» được.

Dưới đây tôi sẽ dịch tất cả các đoạn ở trong sử ta chép về Lý-thường-Kiệt, để độc-giả biết rằng: Sử-thần của ta chép theo lối khách-quan, không phải «quá chủ quan» như lời ông Nguyễn-tế-Mỹ. Chính những đoạn ông Nguyễn-tế-Mỹ chép trong tập *Lý-thường Kiệt*. *Bắc phạt* mới thiên về chủ-quan, tại có nhiều chỗ nhảm, tôi nói qua một vài chỗ như sau này để làm thí-dụ.

Trang 11, ông chép: «Lý-thường-Kiệt và Tôn Đản đem hơn mười vạn quân chia hai đường sang đánh Tống». «Hai đường» nhằm, chính là ba đường mới phải, *Đại-việt sử-ký bản-kỷ* (q. 3, tờ 14 a) của ta chép rõ ba đường: một đường từ Quảng-châu phủ, một đường từ Khâm-châu và một đường từ cửa ải Côn-luân (tức là Phú Nam-ninh, tỉnh Quảng-tây bây giờ). Sử-tàu như quyển *Thông-giám cương-mục, lục biên* (q. 7, tờ 7 a) cũng chép rõ ba đường như sử ta.

Trang 25, ông nói «Lê-văn-Thịnh (thợ in sắp nhảm là Trịnh) vốn là thủ khoa hay chữ». Hai chữ «hay chữ» thừa, và dùng chữ «thủ khoa» không đúng, vì chữ «thủ khoa» chỉ dùng vào người đỗ đầu thi hương (cử-nhân) tức là «giải-nguyên», còn như Lê-văn-Thịnh là người đỗ đầu kỳ thi trước tiên của nước ta. *Khâm-định Việt-sử* (q. 3, tờ 33b) chép rằng: «Năm ất-mão (1075) hiệu Thái-ninh thứ tư đời Lý Nhân-tông, bắt đầu đặt ba kỳ thi học-trò, chọn người thông-hiểu kinh-diễn (minh kinh) và học rộng (bắc-học) cho đỗ, lấy Lê-văn-Thịnh đỗ đầu (thủ tuyền)». Dưới lại chép rằng: «Trước kia chưa có khoa thi, tuy người học-trò nào thông mẫn, cũng do Thích-Đạo tiến cử... đến đây (1075) mới mở khoa thi, được hơn mười người đỗ, thì Lê-văn-Thịnh đỗ đầu, đời bấy giờ truyền tụng: «Họ Lê đỗ đầu kỳ thi trước nhất» (Lê thị phát khôi). Thế thì không thể dùng chữ «thủ khoa» được, phải dùng chữ «đỗ đầu kỳ thi trước nhất».

Trang 57, tác-giả chép: «Tuần Khởi được ít lâu không hiểu vì lẽ gì, Triều đình lại bãi mà cử Lưu-Di ra thay». Tại ông không xem kỹ, nên ông nói «không hiểu vì lẽ gì», chính sử ta chép rằng: «Khi Thầm-Khởi ở Quế-châu, ngầm sai quân Man-dộng, đóng thuyền bè, tập thủy chiến, đề mưu kế đánh nước ta, lại chứa Nàng-thiện-Mỹ là tri-châu Ấn-thuyền trốn sang đây. Vua Tống cho phur thế, là Tuần-Khởi làm cần đề gây mối đánh nhau, mới kíp sai bãi Thầm-Khởi, cho Lưu-Di đến thay» (*Đại-việt sử-ký bản-kỷ*, q. 3, tờ 14 a). Sử-Tàu như quyển *Thông-giám*

cương mục, lục biên (q. 7, tờ 7a) cũng chép: «...Gặp lúc ấy Thầm-Khởi bị tội về việc biên-cương, triều-dinh nghị bãi, cho tri-châu châu Sử là Lưu-Di đến thay...». Như thế, sao lại chép «không hiểu vì lẽ gì»?

Trang 76, tác-giả chép năm ất-mão thì phải chưa năm 1074 thì nhằm, vì ất-mão chính là năm 1075. Cũng năm ất-mão ở trang 11, tác-giả lại chưa là năm 1076!

Cùng trang ấy (76) có câu: «Giết quân Tống hơn 5000 người». Nam nghìn không đúng, chính là tám nghìn, *Đại-việt sử-ký* (q. 3, tờ 14 a) và *Khâm-định việt-sử* (q. 3, tờ 35 b) đều chép 8000. Sử-Tàu như quyển *Thông-giám cương mục lục biên* (q. 7, tờ 7a) cũng chép 8000.

Gần cuối trang ấy (76) có câu «chém đầu tướng cầm quân là Đô-giám-Trương thủ tiết lại trận tiền». Người không thuộc sử chữ nho, tại cái nghĩa câu ấy là tên Giám-Trương họ Đô, vì ba chữ đánh dấu dặt liền nhau, mà chữ Đô và chữ Trương lại viết hoa, giữ tiết tức là chết ở trước trận, vì chữ tiết không viết hoa mà nối với chữ thủ. Chính là chức đô giám tên là Trương-thủ-Tiết; nếu hiểu chữ «đô-giám» là chức quan coi tất cả thì không phải dùng ba chữ «tướng cầm quân».

Trang 77, có câu: «Quân ta vào thành giết hết hơn 38,000 người». Các Sử-ta đều chép «58.000» chứ không phải «38.000» (*Đại-việt sử-ký, bản-kỷ*, q. 3, tờ 14 b và *Khâm-định việt-sử* q. 3, tờ 37 b). Sử-Tàu như quyển *Thông-giám cương-mục, lục biên* (q. 7, tờ 7 b) cũng chép «58.000».

(Xem liếp trang 19)

TRUNG NGÔN

Sử bút đời nay!

TRAI-QUAN

« Quốc-học thư xã » vừa cho ra một cuốn sách, nhan đề là *Việt Hoa thông sử-sử cương*, do ông Bế-Lãng-Ngoạn biên soạn và ông Lê Văn-Hồ san nhuận. Trang 8, 9 có đề một bảng « nội dung sách, báo, tham khảo » tới 25 chủng-loại vừa chữ Hán, vừa chữ Pháp, vừa quốc ngữ. Tôi những mừng thầm : sách này có lẽ không đến nỗi phụ với hai chữ « *Sử lược* » như biên-soạn-giả và san-nhuận-giả đã nêu lên một cách « đại thư đặc thư ».

Nhưng, sau khi giờ phút một lượt, tôi thấy :

Trang 49, hai ông biên soạn giả và san nhuận giả viết rằng : « Theo Lê-quý-Đôn tác-giả sách *Hoàn-vũ-Ký*... » Đến trang 61, lại thấy có lời chú ở chỗ Quý môn quan tăng : Theo Lê-quý-Đôn tác giả *Hoàn-vũ-Ký* thì Quý môn quan ở phía bắc huyện Bắc-Lưu cách huyện lỵ chừng 30 dặm. Về đời Tấn (265-420) ai muốn sang Giao-Chỉ đều phải qua Quý môn quan. Phía nam cửa ải khi hậu rất độc nên cứ 10 người qua ải chỉ có một người về. Huyện Bắc-Lưu ở gần 2 châu An Quảng và Tân-An. Quý môn quan tất cũ ở chỗ ấy. » (Cắt đứt từ sách viết văn quốc-ngữ và lối chấm câu).

Nhưng, thưa hai ông biên-soạn-

giả và san-nhuận-giả, Lê-Quý-Đôn không phải là tác-giả *Hoàn vũ ký* a!

Theo ngu-kiến thì *Hoàn vũ ký* là bộ sách của Tàu, do Lạc-Sử, (tên tự là Tử-chính), người Nghi-hoàng đời Tống, soạn, nguyên-bản những 200 quyển, sau thiếu, chỉ còn có 193 quyển ; cũng gọi là *Thái-bình hoàn vũ ký*.

Tại sao có sự nhận *Hoàn-vũ ký* là của Lê-Quý-Đôn như trong V. H. T. S. *sử lược* đã lầm ấy?

Chẳng qua chỉ vì cụ Lê Quý Đôn nhà ta trót dẫn *Hoàn-vũ ký* vào sách *Văn-dại loại ngữ* (Khu vũ, III) của cụ, nên làm cho người sau có nạn « rầu ông rầu bà » đó thôi.

Vậy tôi xin dịch rõ đoạn sách ấy ra sau đây để các bạn đọc giả tiện bề so-sánh :

« Sách *Hoàn-vũ ký* chép rằng : « *Quý-môn-quan ở cách 30 dặm về phía nam (chữ không phải là phía bắc như trong V. H. T. S. sử lược đã viết), có hai vách đá đối nhau, Hán Mã-Việt đánh rợ Lâm ấp, có lập bia ở đây.* » Lại chép rằng (nghĩa là sách *Hoàn-vũ ký* lại chép) : *Đời Tấn, sang Giao chỉ, đều do cửa ải Quý-môn. Phía nam cửa ải ấy, chương khải đọc dữ lại càng nhiều hơn. Lợi nghị rằng : Quý-môn-quan, thập nhàn khố,*

cửu bất hoàn. » (Nghĩa là mười người qua cửa Quý-môn-quan thì chín người không trở về được).

Nay xét (lời Lê Quý Đôn, lúc giả Văn đại loại ngữ, xét) : Nay huyện Bắc-lưu ở gần châu Tân-an (1) thuộc trấn An-quảng (chữ không phải là 2 châu An-quảng và Tân-an) bên nước ta, thì Quý môn phải ở vào chỗ đó. Bấy giờ thế tục nói Quý-môn ở xã Quang-lãng thuộc châu Ô, trấn Lạng-sơn thì không phải. » v.v. (Dịch theo nguyên văn chữ Hán trong Văn đại loại ngữ Khu vũ III, của Lê Quý Đôn).

Đến chỗ Lê-Quang-Bí (V. H. T. S. *sử lược* tr. 153-156), hai ông biên soạn-giả và san-nhuận-giả chép rằng « ...viên thổ g-dở Q-lãng-Tây mở hòm cống-phẩm ra duyệt lại thì thấy lượng vàng « Đại thần kim nhân » là vàng giả... »

Nhưng thưa ra, tôi chỉ thấy sách xưa chép rằng khi Lê Quang Bí đ. sứ Tàu, có việc trưng-súc đi theo giúp việc, chuyên gữ đồ cống bên đánh trao vàng bạc giả vào ; Quang Bí không biết... Chứ không thấy nói là « Đại thần kim nhân ».

Dưới đó (tr. 154-156), tên sách và tên người cũng lại lầm nói :

(Xem tiếp trang 17

Hỏi ông Nông-sơn và ông Hải-nam

Hai bài văn đó xuất xứ ở đâu ?

Ái cũng biết quốc-âm bắt đầu được dùng làm văn thơ từ ông Nguyễn Thuyên (tức Hàn Thuyên) đời Trần: Trong sử có nói ông có viết một bài văn-tế bằng quốc-âm để đi đòi cá sấu đã vào sông Phú-lương.

Song từ xưa, ai nấy đều nhận rằng bài văn đó đã thất-lạc và tiếc rằng trong quyển quốc-văn hợp-tuyển của ta mất một bài có cái giá trị lịch-sử như bài « Lữ-thế-đệ » của Streshoung trong văn-học-sử nước Pháp.

Gần đây giờ đến tập « Từ dân văn-uyển » cũ, tôi ngạc-nhiên thấy trong số 26 ra ngày 15-7-1936 có một bài thơ « vịnh vua Tần Thủy-hoàng » của Nguyễn Sĩ-Cổ và một bài văn-tế đuổi cá sấu của Nguyễn Thuyên.

Tôi xin chép lại hai bài ấy ra sau đây :

Vịnh vua Tần Thủy-hoàng
Sách tội gì đâu phải kiếp giê,
Thủy-hoàng ông mắc cái nhâm
to.
Giết Tần lại đến tay Lưu, Hạng,
Một chữ nào ai biết cóc khố !

Văn tế đuổi cá sấu
Ngạc-ngư kia hồi! mảy có hay?
Bề đông rộng rãi là nơi mảy.
Phú lương đây thuộc về thánh
vực,
Lạc lối đâu mà lại đến đây?
Há chẳng biết rằng: nước Việt
xưa
Dần quen chài lưới chẳng tay
bừa,

Đời Hùng vẽ mình vua dậy bão,
Xuống nước giao long cũng
phải chừa.

Thánh thần nổi dậy bản triều
nay,

Giấy (1) từ hải ấp ngồi giới
thay

Vũ công lưng lấy bốn phương
tĩnh,

Bề lặng sóng tròng mới có dầy,

Sài-lang xa dấu dân cây-cậy,

Nhân vật đều yên đâu ở đấy.

Ta vàng để-mệnh bảo cho mảy

Lại về bề đông mà vùng-vẫy,

Nếu hai bài trên do những người câu-thả biển chép thì không đáng nói làm gì. Nhưng hai bài ấy lại chính hai nhà văn có tiếng là ông Hải-Nam Đoàn như-Kuê và ông Nông sơn Nguyễn Can-

Mộng sao học và kiểm-định, thì chắc độc giả có thể tin được một phần.

Vậy xin hai ông hãy vì văn-học-sử nước nhà mà trả lời trên tờ Tri-tân cho chúng tôi được biết hai bài đó xuất-xứ ở đâu và có những gì ứng-cử gì có thể khiến độc giả tin được rằng chính hai ông là Việt-văn đã viết những bài ấy.

TỪ-NGỌC

1) L.F.S. — Ông Từ-Ngọc có đánh dấu hồi « sau chữ « giấy ». Đó là người lạ đã viết trên « dấy » ra « giấy », « Dấy từ hải ấp », ý nói nhà Trần khởi nghiệp từ một làng gần biển, làm nghề chài lưới.

Cải chính

Bài xã thuyết trang nli số này đầu đề là :

Xung quanh vấn đề « lập ngôn »

Nhà chữ xếp nhăm quanh ra quang vậy xin cải chính.

Đang in

Làm bếp giỏi

của Bà VÂN-ĐAI

— Có ngót một nghìn món ăn khác nhau và nhiều thực đơn thay đổi
— Được đặc quyền in bằng giấy tây.
Sách in có hạn. Ai mua gửi tiền trước.

Giá sách 6\$50 — Cước 1\$20

Vì tình thể hiện thời, ông Dinh vận Tuệ không ở Hanoi Thư và mandat nao gửi rồi thì thôi. Còn từ sau bạn nào mua sách, cứ gửi thư cho :

Bà ĐÀO-THI-MINH

118 Phố Davillier — Hanoi

VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

(1900-1940)

Số 2

LÊ-THANH

Đối với quốc-gia ta thấy nhà văn biểu lộ cái lòng trung quân-cả tưng một cách trực tiếp hay gián tiếp những hành động, những chiến công của nhà vua ; Trong cha con, nhà văn biểu dương cái nghĩa hiên, cái chữ hiếu (nghĩa là phục tòng « quân vi thần cương, phụ vi tử cương, phụ vi thế cương ») vân vân... Nói tóm lại, theo vết của luân lý, văn chương đã có một con đường vạch sẵn. Cái kết quả tự nhiên là cái thành kiến nô lệ. Các văn-gia thi-sĩ người nô bắt chước người kia. Cách đây bao nhiêu thế kỷ kỹ người ta viết :

« Phụ tử, tử hiếu ;

« Quân kính, thần trung ;

« Phu xướng, phụ tòng. »

Ngày nay người ta lại viết

« Trai thời trung hiếu làm đầu

« Gái thời tiết hạnh làm đầu
sửa mình. »

(Lục văn Tiên)

Cái bản tính của nó là lành, mục đích là hòa bình, không ưa sự thay đổi, chuộng sự an lạc.

Nhà văn học đông-phương ý-niệm bằng trực giác, ý-niệm một cách cụ thể và lòng quát, trái lại người tây phương dùng lý-trí để suy luận, phân tích, đi từ cụ-thể đến trừu tượng.

Một bên lấy thí dụ văn-học Trung-hoa và ta hãy giở lại tận nguyên-thủy của nó. Đã từ lâu, nhưng rõ rệt nhất là về thế-kỷ

thứ. Vì tr. T.C., nước Tàu mất quân binh về lịch-sử. Dân-gian ai nghĩ đến nó thì coi nó như một sự kinh khủng, phải tìm cách thoát ly khỏi cuộc đời ấy để tìm một cuộc đời khác đo một sức mạnh mới nhiệm ở ngoài cuộc đời gây nên cho. Cuộc đời ấy là cuộc đời tinh thần, cuộc đời văn của nhân loại vậy.

« Các người hãy nhìn cho kỹ, ở đâu đâu, cũng thấy vấn cả Cái hình của mây đẹp hơn mọi nghệ thuật, cái đẹp của tạo-hóa không nhà nghệ sĩ nào bì được... Có thể tin được rằng tất cả những cái ấy chỉ là những bài-trí nhạt nhẽo vụng về ? Không ! Đó là hiện hình của Tạo hóa, của thiên nhiên. Đây, một khu rừng cao ráo lên như một cây đàn ; đây nghe một ngọn suối chảy trên sỏi đá, và nó ngân lên như một viên ngọc, như một quả chuông, người sẽ thấy rằng mỗi hình thể của Tạo-hóa có một điệu riêng, mỗi một tiếng của Tạo-hóa có một vấn đề » (1)

Như thế vấn đề là ở Tạo-hóa, ở ngoài cuộc đời, ở ngoài người — tức là văn-nhân — vậy.

Nếu đã là « ngoài con người ta » thì người ta chỉ nên lấy trực giác mà hiểu, cũng như người ta nên lấy trực-giác mà hiểu lẽ Trời, lẽ đạo. Đừng lấy lý trí mà suy luận vì nếu đem những bộ phận liên yếu của loài người làm dụng cụ để phân tích một lẽ Trời thì không thể nào được.

Nguyên-do cái quan niệm văn chương của người Tàu và của người Đông-phương là thế.

Vì người Đông phương ý niệm bằng trực giác, nên câu văn của ta không phải là công trình xây dựng theo lý trí, mà tài-liệu là những ý, hình-ảnh, tức là những cảm giác. Nó chỉ là những trình bày cảm giác theo thứ-tự đột hiện trong trí của nhà văn, nghĩa là cái gì cảm thấy trước thì nói trước, cái gì cảm thấy sau thì nói sau.

Khác với người tây phương lấy lý trí để suy luận, thành ra khi cảm-giác đã đem về cho nhà văn một số tài-liệu, nhà văn mới đem những tài-liệu ấy ra so sánh xem cái nào quan-trọng, cái nào không quan-trọng, cái nào nên đặt trước, cái nào nên đặt sau, đặt thế nào cho thành một hệ-thống theo lý luận.

Cái tội của nhà văn tây phương là có thể xây được những câu dài mà vẫn giữ được điều-kiện sáng suốt.

Vì ý-niệm văn trực giác mà câu văn đông phương trọng ở sự nhịp-nhàng, đọc lên nghe kêu, văn là qui :

Dưới đây là một đoạn văn nhịp-nhàng ấy :

« Nghĩ mình đương là khách ở chốn đô hội phồn hoa, trên đàn văn mặc, giống trống mớ cờ. Nhị đỏ Nùng xanh, từng đã dính duyên

non nước. Lại lúc quô cũ quay cương, vườn xưa thắm thú, Nhuệ thủy thuyền ai mấy lá, Hương-khê nước chảy bốn mùa... Thế mà nay trời bày vãn cầu, đất đổi tang thương, nhà tan một khắc, mình dạt dôi phương » (1)...

Cũng vì ý niệm bằng trực giác nên văn chương có tính cách cụ-tượng và tổng-quát.

Ta hãy đọc bài thơ cổ tiếng sau này của văn chương ta :

*Bước tới Dèo-ngang bóng đã tà.
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới xúi liễu và châu,
Lác đác bên sông rợ (2) mấy nhà.*

*Nhớ nước đau lòng con cuộc
cuộc,
Thương nhà nỗi miệng cái gia-
gia.*

*Dừng chân đứng lại: trời, non,
nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

Thật là tổng quát, chỉ có tám câu năm mươi sáu chữ mà tả đủ cây, lá, hoa, liễu phụ, nhà rợ bên sông, con cuộc cuộc, cái gia-gia... lại cảm tình đối với non nước, chẳng khác nào một bức tranh thủy-mặc vẽ bằng mười mười lăm nét ta thấy trên một đồ sứ của Tàu. Mục-dịch của nhà thơ đây, cũng như nhà họa sĩ chổ khác, chỉ là tả vẽ lấy cái tinh-thần của bức tranh mà thôi.

Giá một người tây-phương vẽ bức tranh ấy sẽ ghi những màu sắc của bông tả đương, cái cây thế nào, màu lá thay đổi thế nào, v. v... để có một bức tranh được phân-tích tỉ-mỉ rồi.

* Vì nhà văn đông-phương không chịu phân-tích đi từ cái cụ thể đến cái trừu-tượng như nhà văn tây-

phương, nên văn chương đông-phương chỉ lệt-bệt ở cái vòng tả tình, tả cảnh..., không lên cao đến : hoa-học, số-học. Trước cái hiện trạng ấy, nghĩ đến người Việt nam, ông Đào Duy-Anh đã phải oán-nản một cách thiết-tha.

« Học-sinh Việt-nam du học ở Pháp ngày nay, có nhiều người ở bậc Trung học và đại học thời giờ hơn nhiều thanh niên Pháp, thế mà lên tiền học học một chút đề thi, là lại người lạ cần phải có nhiều trí-trắc huy-hoàng và trí sáng tạo, thời học sinh Việt nam chịu thua xa. Về triết học, ta cũng không thấy họ : sinh ta xuất sắc hơn thế. Xem vậy thì thấy rằng cái di sản trí-tuệ của tổ tiên để lại còn nặng nề cho ta » (3).

Những đê đềm — hay nói cò đúng những nhuộc đềm — của văn học đông phương tôi vừa kể trên làm cho văn học đông phương thiếu hẳn cái cái tinh thần khúc

triết, cái tinh thần quý giá của văn học tây-phương :

Tinh thần khúc triết là gì ?

« Cái tinh thần khúc triết là cái luật thứ-tự của Tạo-hóa và cái luật thứ-tự của nhân loại hợp nhau lại làm một, để khám phá lẫn nhau và thống-trị lẫn nhau giữa Tạo-hóa với nhân loại và sẽ cùng nhau tiến hóa về thời-gian và không-gian (4).

Không cần giảng giải, tỷ dụ dài giòng ai cũng phải nhận rằng Tạo-hóa là một bộ máy huyền vi ; bộ máy ấy liên-quay rất đều và trường cửu.

(Còn nữa)
LÊ-THANH

1) Một đoạn văn của Trúc Khê, nhà văn đã dịch Ngọc-Ngô hờ, chứa nhiều ảnh hưởng của nhà Nho-thuyết luận Tề-Trâm-A.

2) Người ta vẫn chép là « chợ », nhưng xét ra « rợ » mới đúng.

3) Báo Văn-Lang — Có trích trong cuốn « Cuộc tiến hóa văn học Việt nam » của Kiều Thanh Quế.

4) Định nghĩa của ông Hồ Xanh. Tin văn số 14, ngày 5 11 35.

Đã in xong

QUANG TRUNG

(lịch sử ký sự)

của HOA BẢNG

— Nhiều phụ bản do các họa sĩ tốt nghiệp trường Mỹ thuật vẽ giúp.

Giá 5 \$ 00

cuộc phí bảo đảm : 0 \$ 50

Xin chú ý : Không gửi sách theo lối lĩnh hóa giao ngân.

Số sách in có hạn, ngại nào cần mua xin gửi ngay mandat và tiền cuộc phí vẽ cho :

Ô. Nguyễn trường Phương
95-97 Châteaulmê Hérault

DẦU CỬ, CHUYỆN XU'A

I. — Ba chuyện về cụ Phan Thanh-Giản

Một vị tú: nho kể cho tôi nghe mấy chuyện sau đây về cụ Phan Thanh-Giản :

I. — Cụ Phan làm quan rất thanh-lâm, không hề ăn lễ gì của dân cả. Một viên hạ-hộ kia tên là Ván, người tỉnh Gia-định, bị vu oan là can phạm trọng tội, chỉ nhờ cụ tâu cứu lại cái án tình trông tim đủ chứng cứ mà được trắng án.

Nhờ ơn cụ, viên bá hộ ấy đem tạ 10 gói chè, mỗi gói trong có đề sẵn một lạng vàng. Cụ Phan Thanh Giản thấy bung lễ đến nhất định không lấy, người ấy cố nài nỉ là thứ chè ngon lắm, xin cụ nhận cho. Cụ bảo : « Tôi vẫn biết rằng chè của ông ngon, và quý như vàng, nhưng tôi không quen uống, ông đem cho tôi, tôi trông thấy, thế cũng như tôi đã uống rồi, tôi cảm ơn ông, xin ông đem về ».

II — Cụ rất trọng phép nước. Năm Thiệu-Trị thứ hai (1842), cụ gặp tang thân phụ, về quê nhà một mình, không có lính tráng gì theo hầu; ghe (thuyền) cụ qua đồn Ba-lại, viên coi đồn ra hiệu cho các người chèo thuyền phải dừng lại để khám xét giấy-mã. Các người chèo thuyền cãi là thuyền quan tâu. Viên coi đồn tưởng chúng nói láo, không nghe, nhất định bắt dỡ lại. Các người chèo thuyền phải ghé vào bờ. Viên coi đồn xuống khám, thấy thuyền đơn sơ, quát mắng

bọn chèo thuyền rằng : « Chúng bay láo quá ! quan nào đi thuyền này, chúng bay đánh lừa tao, à quan này to gan thật ! ». Lúc ấy, cụ Phan Thanh-Giản nghe viên coi đồn quát mắng, vẫn ngồi yên. Rồi cụ lên bờ xin lỗi viên coi đồn rằng : « Xin ngài tha lỗi, bọn chèo thuyền thật là vô ý, xin ngài nể tôi là kẻ già-nua tuổi-tác mà tha thứ cho họ ». Thấy cụ già mà lại khiêm-tốn, viên coi đồn để cho thuyền đi.

Khi cụ về đến nhà, xong việc tang ma, bảo viên tri huyện Bảo-an cho gọi viên coi đồn Ba-lại đến. Viên này đến nơi, trông thấy cụ, sợ nhớ đến chuyện khám thuyền bữa trước, mình đã thất lễ trước mặt cụ, sợ quá tái xanh cả mặt lại.

Nhưng, cụ vẫn ôn-tồn phủ dụ rằng : « Thầy biết làm phận sự, tôi có lời khen thầy đấy. Giá tôi chỉ nói rõ mình là quan lớn mà khỏi phải kiểm-soát thì rồi ra ai ai qua đồn cũng cứ xưng là quan lớn để khỏi phải theo đúng lệ tuần phòng, như thế còn gì là phép nước. » Nói xong, cụ quay lại bảo quan huyện thưởng cho viên coi đồn 100 quan tiền, sai dọn cơm cho ăn và ngay ngày hôm ấy tư giấy cho tâu lên Chánh-suất-đội.

III. — Năm Minh-mệnh thứ 12 (1831), cụ làm Tổng-đốc Quảng-nam trong tỉnh đó ấy có viên tể-trưởng mới là Cao-Gồng thường đem đồ đảng cướp phá địa giới. Cụ được lệnh Triều-đình sai đi tuần tiễu, chả may thua mất một

trận. Vua Minh-mệnh giận lắm, cho rằng vì chính sự quan bản tỉnh hà khắc nên bọn ấy khởi nghị, bèn xuống chiếu cách chức cụ và bắt đi tiền-quân hiệu-lực để dãi tội lập công. Cụ vàng mệnh đi trận, bao giờ cũng đi đầu tiên, các quan thấy thế sợ hãi đến tình mệnh, xin cụ lui lại sau. Cụ không chịu kháng khái gì, chỉ nói rằng : « Lệnh vua đã ra, tôi phải tuân ». Khi dẹp giặc xong, cụ được lệnh dời ra Huế, coi quân phu dọn Hoàng-cung và các Tộ-lăng, mãi đến năm Minh-mệnh thứ mười ba (1832), cụ mới lại được phục-chức. Trong khi làm việc vất vả, cụ không có một nhời nào oán hận cả.

Thật là một ông quan rất hiếm.

TIỀN-DÀM thuật

13

II Người Âu-châu buôn bán ở Bắc-kỳ về cuối thế-kỷ thứ mười bảy

Về đầu thế kỷ-thứ mười bảy, ở các cửa bờ Bắc-kỳ và phố Hội-an ở Trung-kỳ, chỉ có tàu bé của người Nhật và Tàu năng lui tới buôn bán, còn người Âu-châu thì chưa được biết đến ở đây cho lắm. Vào khoảng ấy, người Bồ-đào-nha và người Hòa-lan đã có cơ sở vững bền ở các hải-cảng Macao tỉnh Quảng-dông và người Nagasaki ở Nhật-bản; nhưng còn người Pháp và người Anh chưa đi xa hơn Ấn-độ và Java. Trong mấy năm 1601-1603, người Anh bắt

đầu đến Bantam ở Java và năm 1613 sai viên chầu tàu John Saris qua Nhật xem xét việc mở một thương-hàng ở đây. Năm 1618, người Anh lại lần lượt đến Formose, quần đảo Pescadores và Bắc kỳ, nhưng gặp phải sự cản trở của người Hoà-lan, nên đến năm 1623 họ phải lui về Ấn-độ. Năm 1637, ở Nhật chúa Iemitsu cấm dân-chúng giao-thương với ngoại quốc, nên người Hoà-lan công-nhiên giữ độc-quyền mua bán giữa Nhật-bản và các xứ Bắc-kỳ, Nam-kỳ.

Ngày 5 tháng ba năm 1637, chiếc tàu Hoà-lan « Le Grol » đến cửa Hàn (Tourane), và ngày 29 tháng ấy ngược sông Hồng-hà. Họ nhớ một người Nhật theo đạo Thiên-chúa trốn tránh đã lặn ở Bắc-kỳ làm thông-ngôn để giao-thiệp với người Nam-tà. Nam sau, họ trở lại đóng ở Hưng-yên và giao-dịch với tất cả các thị-trấn lớn như Kẻ-chợ (Hanoi), Nam-dịnh, Hải-dương. Nhờ sự khôn khéo và tài chịu-lòn, các quan-lại An-nam, người Hoà-lan bán được nhiều hàng hóa, nhất-dụng cho dân quê và mua tơ-lụa của ta để xuất cảng qua Tàu và Nhật. Việc mua bán của họ càng ngày càng phát đạt hơn lên.

Tất cả người Hoà-lan đi trước mình thu được nhiều món lãi lớn, người Anh quyết định cạnh tranh. Năm 1672 một đoàn 9 chiếc thương-thuyền đến Bantam, trong số đó chiếc « Zant » do viên chầu tàu Andrew Parrick hướng dẫn

Anh

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

- 1p. 00 một vé

Một cái tang trong văn-giới

Ô. Lê Thanh (1913-1944) đã tạ thế!

Ô. Lê Thanh, bạn thân của Tri-Tân, đã tạ thế tại Hà-nội hồi 4 giờ sáng 26 tháng tư 1944.

Lễ an táng đã cử hành sáng 27 tại nghĩa trang Hợp-thiện.

Nhiều bạn trong giới văn học, giới mỹ thuật, giới công-chức và đại biểu báo Thanh-nghị, báo Tin mới, v.v. đều đi đưa đám.

Bạn Hoa Bằng và bạn Túc-Khê có đọc đều văn (sổ sau, T.T. sẽ đăng bài điều-văn nói về đời và học của ông Lê Thanh).

Trong dịp đầu bôn, Tri-Tân đồng nhân xin kính nghiêng mình trước tiếm linh ô. Lê Thanh người bạn đã cộng tác về bài vở với Tri-Tân từ trước đến giờ

TRI-TÂN

được cử qua Đông-dương đi chuyển nầy cô nam phái viên của Công-ti Ấn-độ ở Bantam, và người trưởng-đoàn tên là William Gylford.

Ngày 25 tháng sáu năm 1672, tại « Zant » đến bờ biển Bắc-kỳ. Parrick - bộ A-li viết một bức thư bằng chữ Bồ-đao - nha dâng lên chúa Trịnh và giới thiệu các quan ta nhiều phẩm-vật để mua lòng. Tháng bảy năm ấy, năm chiếc chiến thuyền cùng một võ quan đến ra lệnh cho phép tàu « Zant » đến Hưng-yên, vì lúc bấy giờ, trừ người Hoà-lan ra, không người ngoại quốc nào được trú ngụ ở Kinh-dô. Ngày sau, vì gặp giông nước chảy xiết quá, viên chầu tàu « Parrick » định tìm chỗ bỏ neo, thì viên quan truyền lính tới Parrick lại và đe-dọa William Gylford cùng mấy người Anh phải nghe theo, nhưng họ bèn lảng sự giao thiệp ở Bắc kỳ rất đồ-khó-khăn.

Sau sáu tháng ở Hưng-yên, họ đề tâm xem xét nhà thấy rằng Bắc kỳ không phải là xứ nhập-cảng được; nhưng họ còn tìm sách mua tơ-lụa của ta bán qua Tàu và Nhật. Năm 1674 cuộc chiến tranh giữa hai nhà Nguyễn-Trịnh đã tạm yên, người Anh hi-vọng công-việc buôn bán của họ sẽ nhờ dịp thái bình mà được thịnh-vượng. Nhưng họ gặp nhiều trở-lực quá, nên vẫn không được

lẽ-qua gì hơn, mãi đến ngày 28 tháng sáu năm 1676, thì William Gylford bị cáh chức vì không làm tròn phận-sự.

Đến năm 1679, thương-hàng của người Anh được dời đến Kẻ-chợ (Hà-nội), nhưng không được phép cất nhà cửa. Năm 1683 họ mới thuê được một tòa nhà khá lớn của một người đàn bà Bồ-đao - nha tên là Monica Dabada. Trong mấy năm sau, gặp giữa lúc tàu xứ Bắc-kỳ bị mất mùa, dân gian đói khát rất khổ sở, nên công việc buôn bán của người Anh cũng không được phát đạt lắm.

Cũng trong khoảng này, trong năm 682, chiếc tàu « Saint Joseph » đưa sứ bộ Pháp đến Đông-dương. Sứ thần là Jacques de Burgès cùng hai cố-đạo Pháp tên là Lefebvre và Geffiard dâng lên vua Lê bức thư đầu tiên của vua Louis thứ XIV xin cho người Pháp được tự do buôn-bán và truyền-gáo ở đất Việt-nam.

Từ 1683, người Anh vẫn nán ở tại Hà-nội đợi chờ ngày đẹp đẻ hơn, nhưng đến năm 1696 thì họ hoàn toàn thất vọng. Qua năm 1697, viên trưởng đoàn Mary Bowyer đem cả nhân viên thương-hàng Kẻ-chợ đi Madras sau 25 năm ở Bắc-kỳ.

Và đến năm 1700 người Hoà-lan cũng chán hẳn rút lui.

NGUYỄN-HUYNH

Vấn-đề đọc sách ngày nay

Những độc-giả ngày nay, thường đọc người chứ không phải đọc sách

HIỆP-SƠN TƯ-SĨ

NAY đương Lôi năm châu
khởi lửa, bốn-cối gió mưa;
ai cũng nơm-nớp những lo cùng
sợ, những thương cùng sầu, còn
tỉ-giờ dân, còn bụng-dạ dàu, mà
bản đến sự đọc sách xem văn.
Nói nghĩ, tưởng là phải, nhưng
nghĩ kỹ câu cò nư (của tên-biền):

« Bình thời giảng võ
Loạn thế đọc thư. »

dịch:

*Khi yên luyện tập vũ công,
Đến khi loạn lạc dốc lòng xem
văn.*

Thật nghìn năm vẫn đúng.

Lúc yên, không có việc gì, nhân
thành ra trệ, gương không mài
hóa rì, người không hoạt động
hóa lười, cái đó là sự đương-
nhiên, nên bốn chữ « Bình thời
giảng võ » khuyên ta khi an nhớ
đến khi nguy là vậy.

Lại khi loạn, công việc đa đoan,
từ binh tướng đến dân-gian cũng
cần đọc sách xem văn để tìm
nhuần đạo-dức, người trên cho
bớt lòng hung hãn, người dưới
cho thêm sức can đảm, để đương
với cuộc phong ba, nên bốn chữ
« loạn thế đọc thư » cũng khuyên
ta đó.

Nước ta ngày nay, gặp vạ lây
binh hỏa, nhưng:

« Hận vô Vương-Chúc (1) trung
thần kiếm
Lãng tưng Văn Sơn (2) chình-
khí ca. »

(Nguyễn-Dinh-Giản) (3)

Dịch:

*Giận không có thanh gươm
của ông trung-thần Vương-
Chúc,
đành ngẫm đọc bài ca « Chình
khí » của ông Văn-Sơn.*

Hai câu thơ trên, thật đúng cái
cảnh dân ta ngày nay. Không lúc
nào hơn lúc này, ta đành chỉ đọc
sách xem văn, để thêm lòng đạo
dức can đảm, hòng đủ sức chống
trọi với thời cục.

Vì thế nên tôi mới có bài này,
và nhân thế, xin đem ra thảo luận
với độc-giả vấn-đề đọc sách ngày
nay vậy.

Cổ nhân đã nói: « Vui không
giỏi bằng đọc sách, cần không
giỏi bằng dạy con. »

Đọc sách là một sự lợi ích rất
lớn cho tâm trí và học vấn; các
bực tiên-biền đều lấy làm trọng,
uên lại nói: « Sĩ-phu mà ba ngày
không đọc sách, soi gương mặt
mũi đáng ghét, nói chuyện nhạt
nhẽo khó nghe. »

Song, đọc sách có nhiều cách,
những bực tiên-giác cổ kim đã
chỉ vẽ cho hậu học chúng ta noi
theo đã lắm. Tôi chắt các nhà hiếu
học cũng đã am tường, nên ở
trong bài này, tôi không dám nhắc
lời, chỉ trình bày một vài ý kiến
về sự đọc sách ngày nay. Tôi
thấy cũng là sự đọc sách, mà
đọc sách ngày xưa và đọc sách

ngày nay có khác, lại ngày nay
trong hàng độc-giả có nhiều thành
kiến tây vị có thể đi-bại cho học
vấn của ta.

Ngày xưa, nhiều quyển sách,
bài văn không đề tên thật của trước-
giả, người đọc chỉ chú ý đến văn.
Gặp thiển kiết-tác là được truyền
tụng.

Như sách « Tang thương ngẫu
lục » của hai bực danh-biền là
Phạm Đình Hồ (4) và Nguyễn Án (5),
mà chỉ đề xuống bốn chữ Tùng-
Niên và Kinh-Phủ.

Như bản dịch khúc « Chình phụ
ngâm » (nguyên văn chữ hán của
ông Đặng Trần Côn), truyền tụng
đến ngót 20 năm mà vẫn chưa
biết đích dịch-giả là ai! Bà Đoàn
thị Diễm hay Bà Nguyễn thị Diễm,
hay ông Phan búi Ích (6)?

Kể ra còn nhiều thiên sách, tập
văn rất quý rất hay, mà trước-giả
không rõ là ai.

Như thế mới biết, ngày xưa
đọc sách xem văn cứ thấy văn-
chương kỳ dật là tán thưởng, chứ
không như ngày nay, nhiều độc-
giả có thành kiến tây vị, thường
như đọc người, không phải đọc
văn.

Tôi hằng gặp nhiều bạn thanh-
niên hiếu học có thành kiến cố
chấp đó. Những vị ấy vào hàng
sách, không phải tìm một tác-phẩm
mà tìm một thi-sĩ hay văn-sĩ minh
vũ, không khác gì tra những tài

ở trên màn bạc, và đến nỗi say mê mờ quáng không nhìn thấy. không nhận rõ cái hay cái dở chỗ nào. Hễ thấy một quyển sách, một bài văn có ký tên một văn sĩ, cho ngay là hay, không chịu để ý xét nhận.

Phàm ở đời ai cũng có thể lầm lỗi, sai lẫn được, chỉ có ai không làm gì cả thì mới không nhầm.

Pascal có câu: « *Quelque lumière, quelques traits d'esprit que l'on ait, rien n'est si aisé que de se tromper.* » (Dẫu mình mẫn đến đâu, trí thức đến đâu, cũng dễ lầm-lạc).

Lại Voltaire có câu: « *Tous les hommes se trompent; les grands hommes reconnaissent qu'ils se sont trompés.* » (Ai ai cũng sai-lầm; nhưng người dũng-cảm thì nhận ngay).

Nhà văn cũng là người tất có thể sai lầm-trong khi tra cứu. Người đọc sách tất phải nhận xét chỗ hay chỗ dở mới lĩnh-hội được cái lợi ích trong bài văn. Nếu tự-tưởng trước-giả hơn ta, ta bài làm thày; nếu lập luận của tác-giả sai, nhầm, kém ta, ta tự biết trình độ học thức của ta hơn nhà làm sách. Thế, ta mới học được cái hay, cái dở trong sách mà thu lấy cái ích cho mình.

Tiền nhô có câu: « Khẩu nhi tụng, tâm nhi suy » (7) (miệng đọc tụng nghĩ).

Đọc sách mà không nhận xét, suy nghĩ chỗ hay, chỗ dở trong sách, cái lợi không thu được đã đành, mà còn có khi thu lấy cái sai cái nhầm là cái hại nữa.

Ông Mạnh-tử có nói: « Tận tin thư bất như vô thư » (Tin liêu sách, thà đừng đọc sách.)

Tôi xin đan cử ra đây một vài chứng-cớ để tỏ rằng những tác-phẩm của những nhà danh-sĩ cũng có chỗ nhầm, nếu độc-giả không để ý nhận xét, cứ tin liêu, có thể phung-hại cho luân-lý, học-thuật được.

Nói vậy, mới nghe, chả các ngài cho tôi là vô-đoán; nhưng xin các ngài cố đọc một thí-dụ tôi dẫn sau đây, các ngài sẽ nhận thấy cái hại của sự « tin liêu sách ».

1. Quyển *Cannibales par persuasion* của ông Nguyễn Phan Long.

Năm 1932 ông Nguyễn Phan Long, một nhà văn hào có tiếng trong nước, làm ra quyển *Cannibales par persuasion*. Trong sách có nhiều truyện ngắn. Truyện trên nhất, lấy làm tên sách.

Văn-chương của ông, hay thế nào, quốc dân ai cũng đã rõ; nhất ông lại là một nhà tự học, không ra khỏi nước nhà, mà văn tài đến được như thế, thật là hãn-hữu.

Một quyển sách do một nhà danh-sĩ như ông soạn ra, tất đã kẻ cứu thận-trọng. Nào nói thì mất, văn thơ thì còn. (Les paroles s'envolent, les écrits restent — Verba volant scripta manent — Phương-ngôn Latin.)

Một tấm lụa đẹp, tiếc có một vết ố; nhưng không phải vì vết ố, mà dám chê cả tấm lụa. Chỉ rõ vết ố ra ở đây, chả qua do lòng thành thực muốn sau sẽ được những tấm lụa hoàn-toàn.

Quyển *Cannibales par persuasion* trong có một bài (trang 91) đề là « L'ingénieuse amitié », kể chuyện Lưu-Binh, Dương-Lễ,

Nếu người ngoại-quốc hiểu rõ tâm tình người nước ta, ông đã khéo lựa truyện « Lưu-Binh, Dương-Lễ » diễn ra tiếng Pháp, đề biêu dương cái luân lý cao siêu, thâm thúy của giống nòi, song tiếc ông không khảo cứu cẩn thận, không hiểu ông căn cứ vào đâu, mà ông diễn tả sai lạc mất cả cái hay của truyện, lại mất cả cái luân-lý thuần-tủy của giống Việt-Nam ta.

Chỗ sai đó là chỗ ông nói rằng Châu-Long lúc mới gặp Lưu-Binh, tự thồ lộ ngay là vợ bạn,

Nguyên văn quăng ấy như đây: « Sous le règne de l'Empereur Tự-Đức, vivaient deux lettrés, Liu-Binh et Dương-Lễ, étroitement liés d'amitié. Ils se présentèrent en même temps au concours triennal, seul Dương-Lễ fut reçu et nommé mandarin, tandis que Liu-Binh, ayant échoué, reprenait tristement ses livres. »

Pressé par la misère, Liu-Binh se rendit auprès de son ami pour lui demander un subside afin de vivre jusqu'au prochain concours, où il espérait avoir plus de chance. Infamé de sa venue, Dương-Lễ, après l'avoir fait attendre longtemps, refusa de le recevoir et lui envoya un serviteur pour lui dire que s'il avait faim, on lui donnerait à manger mais qu'on ne lui ferait pas d'aumône.

Humilié et vexé de cet accueil de son ami, auquel il était loin de s'attendre, Liu-Binh s'en alla sur le champ en se jurant de ne plus remettre les pieds chez un homme à qui la fortune avait fait oublier si facilement les devoirs de l'amitié. Mais il fut fort surpris lorsque, sur le chemin de son logis, il fut

rejoint par la femme de Dương-Lễ.

« J'ai appris, lui dit-elle, votre visite et la façon indigne dont mon mari vous a traité. J'en ai été révoltée et j'ai décidé sans retard de rattraper par ma conduite à votre égard les torts qu'il a envers vous. Et me voici. Si vous acceptez ma compagnie, je partagerai votre pauvreté et vos peines pour alléger votre fardeau. Vous pourrez ainsi vous adonner à l'étude sans risquer d'en être détourné par des soucis mesquins.

Heureux de voir une compagne lui tomber pour ainsi dire, du ciel le lettré emmena la jeune femme chez lui. Ils vécurent dès lors comme le ménage le plus uni.

Xin tạm dịch:

Dưới đời Tự-Đức (8) có hai người học trò, Lưu-Bình, Dương Lễ, bạn với nhau rất thân. Hai người cùng đi thi hương. Có một mình Dương Lễ đỗ ra làm quan, còn Lưu-Bình trượt, lại đi học.

Vì nghèo túng, Lưu-Bình đến nhà bạn, xin cứu giúp để ăn học chờ khóa sau, may ra có phận. Dương Lễ, thấy bạn đến, bắt chầu chực chán rồi lại không tiếp, chỉ cho gậy tờ ra bảo: "Nếu đời thi cho tôi, chứ không giúp tiền."

Không ngờ bị khinh và hắt hủi, Lưu-Bình ra thẳng, thế không

thêm dễ chân đến nhà một kẻ « phú dịch giao » dễ dàng như thế! Nhưng lúc đang đi về nhà, thấy lững thững theo sau vợ chàng Dương-Lễ. Nàng nói ngay rằng: « Tôi biết bác lại chơi, và tôi cũng biết của bác. Tôi thực ngưỡng. nay định đến

trời sa xuống, Lưu-Bình đem thiếu phụ về nhà. Từ đấy ăn ở với nhau trong cảnh gia đình lạc thú.

Truyện Lưu-Bình-Dương-Lễ ở nước ta ai ai cũng biết. Vì luân lý truyện rất hay, nên trong dân gian từ trên đến dưới, ai cũng ưa thích. Vì thế, nhiều nhà văn sĩ hay dùng các thể văn để diễn tả, nên có nhiều sách in bán, như Lưu-Bình-Dương Lễ truyện, « Tây dương liệt-phụ, — Lưu-Bình phú, — Lưu-Bình trò. Tài liệu để kiếm không phải hiếm-hoi gì, sao ông Nguyễn Phan-Long không lấy đề khảo cứu?

Sở dĩ truyện Lưu-Bình-Dương-Lễ được lưu truyền đến ngày nay, được phổ cập đến dân gian, được người đời tán thưởng là ở chỗ:

1. Dương-Lễ khinh bạn ngăm sai vợ lẽ đi nuôi bạn như thế là chí tình, hy sinh cả nghĩa kẻ làm-trủ để chu toàn tình bằng hữu;

2. nàng Châu-Long, vợ lẽ Dương-Lễ, vàng ý chồng đi nuôi bạn, trọng ba năm, đảm đang công việc mà vẫn giữ được tuyết sạch giá trong, vì chồng hiền lương được tình bằng hữu, vì bạn gây dựng được sự nghiệp công danh.

Nhưng vết tuồng của Châu-Long ở vào trường hợp rất khó. Một hồng-nhan thiếu-phụ, ở với một bạch-diện thư-sinh trong vòng ba năm trời, sao cho khỏi « khi vào

LÊN ĐƯỜNG

*Khóatic leo lên đường lại bữa nay,
Phong trần chưa chán mặt nhàu đây.
Rừng xanh đất đỏ mưa chồn gót,
Quán lạ sông xa, nắng sấm mây,
Nghĩa bạn những e khi khỏi lửa,
Tình đời chỉ quản nỗi chưa cay.
Ai dè tiếng gọi ngoài xa thẳm,
Nửa gối phong sương lạnh nhữn, ngày.*

Bà-VÂN-ĐÀI

TIẾNG NGÂM TRƯỚC ĐÈN

*Xóm dầm — chìm sâu — nét lối mờ.
Bên hoa, êm nhịp sóng rung thơ.
Dầu nóng, bắc lặt, lăm khế ỷ...
Song vắng, rèm lay, gió họa đùa...
Chữ quên hơi, hươg, hồn dịu-dịu.
Ấnh bừng điệu nhạc, từ mơ-mơ.
Giọng ngâm muốn ngắt sao Ngưu Đâu
Tỏa át năm châu tiếng bão, mưa!*

SONG-LỐI

(Bạch liên, 23, tháng tư, 1944)

đầy dãi công thực, tội cho chồng, Tôi đây,... nếu bác không chê, tôi xin đồng lao cộng tác để đỡ cảnh bần hàn. Như vậy, bác có thể chuyên tâm học tập, không lo đến điều nhặt nhặt.

Hơn hễ như gặp được tiên trên

sắt áo, khi ra chạm quần; » gia, chỉ dĩ lại nhận nhau là chồng là vợ thì mỗi lứa tình dù không định nhóm cũng đã tự khơi thề mà, Châu-Long giữ vẹn được tiết thảo, trọn được phận-sự, thật đáng câu:

« Thiên lý dân dĩ nhất phụ-nhân »

Và người đời cho là liệt-phụ rất phải.

Nhưng hoàn-cảnh ấy, trường-hợp ấy, tránh sao khỏi đeo bầu mang tiếng? Chắc Dương-Lễ lúc cho vợ đi, cũng đã tự đoán, mà đến khi vợ về cũng không khỏi k' ông lòng nghi kỵ. Vậy, mỗi hiềm nghi sao tỏ cho ra, lòng trinh bạch sao mà biết rõ?

Ấy là ở Lưu-Bình, khi đó, đến thăm Dương-Lễ nói rõ đầu đuôi câu chuyện gặp thiếu-phụ nuôi cho ăn học, hứa thi đỗ sẽ thành hôn, nay về, không thấy bóng hồng, vẫn đang bàng-hoàng ngao-ngán.

Dương-Lễ nghe nói, mới rõ biết được tiết-thảo của vợ, bèn cho ra chào Lưu-Bình. Khi đó, Lưu-Bình mới hiểu Dương-Lễ giúp mình sai vợ nuôi mình ăn học.

Cốt tuyền là bêu dơ công nghĩa vợ chồng, liêm hề hạn.

Luân-lý nước ta có năm đạo, thường: vua, tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bè bạn.

Bè bạn đứng vào trong ngũ luân, nên tình nghĩa rất trọng. Luân-lý không đứng ở tầng kẻ, vô giáo-dục, vô lễ-nết phạm vào luân thường, nên khi xảy ra những án « bần và vợ ».

Lưu-Bình là một nhân vật ở vào lúc lòng trọng nghĩa còn nồng hân, lại là người ăn học, có đầy đủ tri thức biết lý vợ bạn mà lại nhận nuôi dinh dưỡng, như các-giả bài « L'ingénieuse amoureuse » đã tả, thì thật là nhầm vậy.

Cái nhầm đó, có thể phương hại cho luân-lý nước nhà, nếu các bạn hiếu học cứ tin lời ở sách, không suy đi xét lại cho kỹ rằng Lại nhất các độc-giả ngoại quốc xem bài văn đó, tránh sao khỏi nhận lầm tình thân luân lý nước ta.

Còn nữa)

HIỆP SƠN TƯ SĨ

1) Một nhà trung-thần ở đời Chiến-quốc bên Tàu

2) Hiệp ông Văn thiên-Tường làm quan lễ tống nhà Tống bên Tàu, nhất định không thèm khuất với nhà Nguyên, chịu chết, có làm bài « Chinh khi ca » tỏ chí mình Vua Nguyên cảm phục khen ngợi « Thật đáng làm trai » chân nam tử.

3) Người làng Vĩnh trị huyện Hoàng-hóa (Tân-hóa Trung-kỳ) đỗ tiến sĩ năm kỷ sửn đời Cảnh-Hưng 30 (1769). năm bính-ngọ (1786). bính Tý-sơn ra bắc. ông khởi quân cần vương hộ vệ kinh thành, sau phải bắt, không chịu khuất, lúc làm hình, đọc bài thơ có hai câu này.

4) Phạm-dinh Hồ tục danh là Chiêu Hồ tên chữ là Tỉnh Trục, hiện là Tà-g-Niên, và đồng đã-tiền người làng Tân-An, huyện Đường-an (nay là Bình-giang, Hải-dương), văn chương có tiếng, trước, thuật nhiều, làm quan đến chức lễ-tử Quốc tử giám.

5) Nguyễn-án tên chữ là Kinh Phái hiệu là Ngụ-Hồ (1770)-1815, người làng Dụ làm quan đến Đổng-ngân (Bắc-ninh), đỗ Hương-cống, khoa định-mễ, Gia-Long thứ 7 (1808), bổ tri huyện Tiên-miêu, được 7 năm bị bệnh mất. Hiệp học thông-minh, văn chương nổi tiếng.

6) « Dịch phẩm Chinh phụ ngâm » của Hoa-Băng Tri-Tài số 1784 289-43

Bà thị Diễm chưa định rõ là họ Nguyễn hay họ Đoàn, mỗi sách nói một khác.

Chinh Phụ ngâm, quốc bản, hiện nay lưu hành trong dân gian có 2 bản:

Một bản dài, các nhà học-giả thường vẫn đem ra chú thích. Bắt đầu có 2 câu:

Thở trời đất đổi con gió bụi.
Khách mà hồng nhiều nỗi chuẩn-triên.

Một bản ngắn, đã có in bản, chỉ đề có hai chữ « Chinh phụ » là người đọc bắt đầu có những câu:

« Giời đất một vùng.

Bắc Nam đôi ngã

Phụ hồng nhan huyễn bã xiết lo

Chàng từ bề Sở sông Ngô

Lấy ai coi sóc sớm trưa việc thường

Chàng từ vâng mệnh quân vương

Cờ mao thẳng trở lên đường rã rời

ngay.

Không rõ bản này của ai. Xem không hẳn là dịch bài Hán văn của ông Đặng Trần-Cổn, nhưng cũng thoát cả ý bài đó.

Vậy ai là dịch giả, tác giả hai bài trên?

Bà Nguyễn-thị-Diễm, Đoàn-I

Diễm hay ông Phan huy Ích?

7) Tam tự Kinh.

8) Được truyền truyện Lưu Bình Dương Lễ về đời hậu Lê, nhưng chưa khảo được rõ về đời xưa nào.

SỬ BÚT ĐỜI NAY

(Tiếp theo trang 8)

Lê Quang-Bí làm (áp) thư vịnh « Cổ hương chưa hết bối » (các bài vịnh bối ở cổ hương), chữ không phải « Vịnh cổ hương chỉ liên bối ».

Ông cử Tau đỗ tên là Đặng Hồng-Chánh, chữ không phải là Đặng Hồng Thấn. Thừa bài ông hiện-soạn giả và sản-nhiệm giả, sở dĩ có sự lầm ấy là vì chữ « Cổ hương » (香) hơi giống với chữ « Thấn » (展).

Đó là lỗi mới dẫm vào mảy tang, cứ chỗ sở-liền mà hỏi lại ra mong hai ông cho sửa lại để khỏi lầm lẫn độc-giả.

TRÁI QUẢ

T. Q. của... (Hay là-chàng Tiên-yết, thuộc tỉnh Hải-ninh.

BIA VĂN-MIÊU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 79

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỔ

13. — Trần-xuân-Vinh, người xã Năng-lự huyện Mỹ lộc, phủ Thiên-trường (nay Xuân-trường thuộc Nam-dịnh), trấn Sơn-nam. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ tiến-sĩ khoa kỷ-mùi 1499, làm quan đến đô-cấp-sự trung. Sau bị tội phải xử giảo (bắt cồ) (*Đặng khoa lục*, q. 1 tờ 47 b; *Đặng khoa bị khảo*, q. Sơn nam, tờ 86 b).

14. — Lê-tán-Tương, người xã Thượng-cốc, huyện Lôi-dương, phủ Thiệu-hóa. tỉnh Thanh-hóa. *Đặng khoa lục* (sách in, q. 1, tờ 48 a) chép năm 18 tuổi đỗ nhị-giáp khoa kỷ-mùi 1499, *Đặng khoa bị khảo* (sách viết, q. Thanh-hóa, tờ 20 a-b) chép đỗ năm 21 tuổi. Năm tân-mùi 1511 trong đời Hồng-thuận, ông thăng Hộ-bộ hữu-thị-lang. Đến mùa hạ năm ấy, hội 1515, thăng Lại-bộ hữu-thị-lang. Làm quan dần dần đến Công-bộ thượng-thư, vào hầu-tòa Kinh-diên, tước Văn-phủ hầu, phong Khiêm-cung công-tiền, tri sĩ, thọ hơn 70 tuổi. Ông là em ông Lê-tán-Thiện, đỗ tam-giáp cùng khoa 1499, hai anh em cùng làm đến thượng-thư. Là ông nội ông Lê-trạc-Tú, đỗ đầu chế-khoa năm 1577. Chế-khoa là một khoa thi riêng, cũng như khoa thi tiến-sĩ, nhưng tự vua ra đầu bài và vua chấm thi; gọi là chế-khoa, vì chế có nghĩa là lời nói của vua.

15. — Nguyễn-Vũ, người làng Nghĩa-lộ, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ

nhị-giáp khoa 1499. Làm quan đến hữu-thị-lang, vào hầu-tòa Kinh-diên, kiêm Quốc-tử-giám-tư-nghiệp. Là con Nguyễn-Tông, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1463, là ông nội Nguyễn-Thước, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1547 (*Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 48 a; *Đặng khoa bị khảo*, q. Sơn nam, tờ 35 b).

16. — Phạm-nguyên-Chấn, người làng Hải-trào, huyện Ngự-thiên, phủ Tiên-hưng, trấn Sơn nam, làm nhà ở làng Thanh-nhàn huyện Kim-hoa. Năm 18 tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1499. Làm quan đến Thiêm-dô ngự-sự. Là cháu gọi Phạm-đôn-Lễ bằng bác hoặc chú; Phạm-đôn-Lễ đỗ trạng-nguyên khoa 1481 (*Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 48 a; *Đặng khoa bị khảo*, q. Sơn nam, tờ 88 b).

17. — Đàm-thận-Giản, người xã Ông-mặc, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-Sơn, trấn Kinh-bắc (nay Bắc-ninh). Năm 34 tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1499. Làm quan đến Hộ-bộ tả-thị-lang, lúc mất truy-tặng Công-bộ thượng-thư. Là em ruột Đàm-thận-Huy, đỗ tam-giáp khoa 1490: anh em đồng triều. Là bác Đàm-Cư, đỗ nhị-giáp khoa 1538 (*Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 48 b; *Đặng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 32 a).

18. — Phạm-quan-Tán, người xã Man-nhuế, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Năm 26 tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1499. Làm quan đến tham-chính. Sinh ra Phạm-y-Toàn

đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1589. Là ông nội Phạm-phúc-Khánh, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1623, ba đời kế tiếp nhau đỗ đại-khoa (*Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 48 a; *Đặng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 61 b).

19. — Chu-Văn (*Đặng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 2 a, chép là Chu-tông-Văn; có lẽ chữ tông là quốc-huý triều Nguyễn, nên *Đặng khoa lục*, bản in hổ đi), người làng Đa-sĩ huyện Đường-bào, phủ Thợng-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị-giáp khoa 1499. Làm quan đến Đông-các đại-học-sĩ. Năm đinh-mão 1507, hiệu Đoan-khánh, đang làm chức Đông-các hiệu-thư, sung chức phó-sứ sang mừng vua Tàu lên ngôi. Về việc đi sứ này, *Khâm-định Việt-sử* (q. 25, tờ 24 a-b) chép rằng: « Trước năm đinh-mão 1507, nhà Minh sai Hàn-lâm-Viện biên-tu là Tăng-Đặc và Lại khoa cấp-sự-trung là Trương-hoảng-Chí sang ta báo tin về việc Vũ-tông nhà Minh lên ngôi và tặng lụa mui; Hành-nhân-tý hành-nhân là Hà-Lộ sang dự tế vua Hiến-tông nhà Lê; Hàn-lâm-viện biên-tu là Thẩm-Dảo và công-khoa cấp-sự-trung là Hứa-thiên-Tích đem sách, phong Lê Uy-mục làm An-nam quốc-vương và tặng áo mũ bằng da, Thiên-Tích ra mắt Lê Uy-mục đế, có làm câu thơ rằng: « An-nam từ bách vạn vu trường, thiên ý như hà giáng quĩ-vương? » nghĩa là 400 năm vận nước An-nam càng dài, ý trời làm sao giáng quĩ-vương? Đến năm 1507 vua Lê Uy-mục sai Hộ-bộ tả-thị-lang là Dương-trực-Nguyên và Đông-các hiệu-thư là Chu-Văn, Hàn-lâm-viện kiểm-thảo là Đinh-Thuận sang mừng vua Tàu lên ngôi;

Hồng-lô-tự-thiếu-khanh là Nguyễn-Thuyền dâng hương; Công-bộ hữu-thị-lang là Nguyễn-Đào và Hàn-lâm-viện kiểm-thảo là Doãn-mậu-Khôi, Hộ-khoa cấp-sự-trung là Lê-dĩnh-Chi sang Tàu tạ-về việc dự lễ; Thanh-hóa thừa-chánh-sứ là Lê-Tung, Hàn-lâm-viện kiểm-thảo là Đinh-Trình và giám-sát ngự-sử là Lê-biểu-Trung sang tạ về việc sách phong; Nghệ-an tham-chánh là Lê-Uyên, Hàn-lâm-viện hiệu-úy là Ngô-Tuy, giám-sát ngự-sử là Hoàng-Nhạc sang sứ về việc tuế-cống ».

20. — Nguyễn-đoan-Kính người xã Tiền-liệt, huyện Vĩnh-lại, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị-giáp khoa 1499. Làm quan đến phủ-đoãn Phụng-thiên. Là anh Nguyễn-văn-Tkái, đỗ thạc-hoa khoa 1502, là ông nội Nguyễn-tự-Cường, đỗ tam-giáp khoa 1604

(*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 48 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 49 a).

21. — Dương-phấn-Phí, người xã Dương-tuyền, huyện Tây-lan (Tây-quan), tỉnh Sơn-tây. Đỗ nhị-giáp khoa 1499. Làm quan đến hiến-sát-sử (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 48 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 80 a).

22. — Phùng-Độc, người làng Nguyễn-xá, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây. Năm 34 tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1499. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 48 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 39 a-b).

23. — Vũ-Châu, người làng Di-sử, huyện Đường-bào, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị-giáp khoa 1499. Bắt đầu làm quan Hàn-lâm hiệu-lý, năm giáp-tỵ (1504) hiệu Thái-trình, sung chức phó-sứ sang nhà Minh cầu phong. Làm quan đến hữu-thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 2 a). *Đăng khoa lục* (q. 1, tờ 48 b) chép làm quan đến Hàn-lâm viện hiệu-lý.

24. — Nguyễn-Thản, (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 6 a, chép là Nguyễn-Hằng; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 48 b, chép là Nguyễn-Thản), người làng Cao-mật, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam (nay phủ Thanh-oai, thuộc tỉnh Hà-dông). Đỗ nhị-giáp khoa kỷ-mùi 1499. *Đăng khoa bị khảo* chưa một câu rằng: « Văn đáng đỗ trạng-nguyên, vì có chữ bỏ trống nên bị truất xuống cuối đệ-nhị giáp ».

(Còn nữa)

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TỐ

LÝ-THƯỜNG-KIỆT

(Tiếp theo trang 7)

Trang 78, tác-giả chép: « Sau khi quân Lý tấn công đã có người ngấm-ngấm nội ứng ». Câu ấy tác-giả lấy ở đâu ra, không thấy dẫn chứng? Thế là sai với phương-pháp khoa học, vì đã là khoa-học, thì phải đủ chứng cứ rõ ràng, không khi nào lại đoán phỏng như thế được, và phương-ngôn ta cũng có câu « học có sách, mách có chứng », nay tác-giả đem lý-thuyết gán cho người ta như thế, chính là « quá chủ quan ».

Còn nhầm nhiều nữa, đề tác-giả tự xem lại sử mà cải chính lấy. Nay tôi dịch sử chữ nho của ta ra đề độc-giả so-sánh, và đề tác-giả xem có phải sử ta theo « phương pháp quá chủ quan từ đời phong-kiến còn lại » hay không.

Những đoạn sử chữ nho dĩ h ở dưới này toàn là sử ta, tôi không dịch sử Tàu để đối chiếu, là có ý đề độc-giả bớt cái phương pháp làm sử của ta chính là khách-quan ngay từ đầu, không hồi nào là chủ-quan cả.

Lý-thường-Kiệt người ở phường Thái-hòa, thành Thăng-long (*Khâm-định Việt sử*, q. 3, tờ 34 b) Lúc nhỏ là người dung-mạo đẹp-dẽ, tinh thần (tức là cất dương sự) đề sung chức Hoàng môn chi-hậu-bầu vua Lý Thái-tông (1028-1054), dần dần thăng đến chức nội-lý tỉnh đô tri.

Năm kỷ-dậu 1069 là năm thứ hai hiệu Thiên hướng bảo-lượng, vua Lý Thánh-tông (1054-1072) đi đánh Chiêm thành. Lý-thường-Kiệt sung làm tiền phong tướng-quân, có công được thăng Phụ-quốc thái phó, đạo-lưu liết độ các trấn ở xa tinh chức gọi là đạo

Đã có bán về dịp Tết :

NỮA ĐÊM

Truyện thôn-quê

của Nam-Cao giá 2\$00.

Nam Cao là một nhà văn chuyên tả phong-tục thôn quê Việt Nam, với một ngòi bút thanh thoát. Nếu các bạn muốn hiểu người dân quê Việt-Nam một cách sâu-sắc, nếu các bạn muốn có những kiến thức rất thực về thôn-quê Việt-Nam; nói tóm lại, nếu các bạn muốn hiểu đồng bào một cách chu đáo, các bạn đừng nên có cuốn *Nửa đêm của Nam-Cao*.

VUI XUÂN

Tức Hoa-Mai số Tết

của Ngô-Hòa giá 0\$30

Phách bướm hồn hoa

Tức Hoa-Mai số Mùa Xuân

của Thế-Hưng giá 0\$30

Nhà xuất-bản Cộng-Lực

N° 9 Rae Takon — Hanoi

thực lực Đông-trung-thư môn-hạ, thu ợng-trụ-quốc, Thiên-lữ nghĩa-đệ, thượng-tướng-quân, tước khai-quốc - ông (Ngự-chế Việt-sử tổng-vĩnh, q. 7, tờ 4 b).

Năm ất-mão 1075 là năm thứ tư hiệu Thái-ninh, Chiêm-thành xâm nhều ngãi biên, vua Lý Nhân-tông (1072-1127) sai Lý-thường-Kiệt đi đánh, không được. Thường-Kiệt lên xem linh thiế núi sông ở châu Bồ-chánh, Địa-lý (Quảng-bình) và Ma-linh (Quảng-ti), về thành bản đồ đem về (K. đ., q. 3, tờ 34 b).

Cùng năm ấy (1075) khoảng tháng 9 tháng 10, đổi châu Địa-lý làm châu Lâm-bình, châu Ma-linh làm châu Minh-linh, chiêu-dụ lưu-dân đến ở, phong Lý-thường-Kiệt làm tể-ai-úy (Đại-Việt-sử-ký, bản-ký, q. 3, tờ 16 a).

Khi ấy ở bên Tàu, Vương-an-Thạch cầm quyền chính, muốn cầu công ở chốn biên-cương, tâu với vua Tống, cho là nước Nam ta mới bị Chiêm-thành đánh thua, những quân sống sót không đầy một vạn, có thể lấy được, tri châu châu-Ung Tiêu-chú đón biết ý An-Thạch, mới dâng thư nói: « Giao-châu tuy theo triều cống, nhưng thực hai lòng, nếu nay không lấy đi, tất làm cái lo về sau. » Vua Tống tin lời, xuống chiếu cho Tiêu-chú đồng đương việc ấy. Tiêu-chú lấy làm khó-khẩn, gặp bấy giờ có chức Độ-chi. Phán-quan là Thâm-Khởi. Thâm-Khởi dâng thư nói: « Giao-châu không có lý gì không lấy nổi. » Vua Tống bèn cho Thâm-Khởi ra tri châu châu Quế, Khởi theo ý-chỉ của An-Thạch, chuyên việc đánh phá và xâm nhều biên-cương, ngầm sai quân nam-dộng, sửa

sang thuyền bè, tập thủy chiến, đề làm mưu kế đánh nước ta. Lại chứa Nùng-thiện-Mỹ cho ẩn ở đất Tàu. Vua Tống cho như thế, là tại Thâm-Khởi gây việc hiềm-khịch. liền bãi Thâm-Khởi, cho Lưu-Di đến thay, Lưu-Di lại nhiên-nhĩ những lời quân-sĩ, cho là nước ta có thể lấy được, muốn sinh sự đề làm cơ-khởi binh, cấm châu huyện không được buôn-bán đồ-trắc với ta. Vua ta lại đưa thư đòi giải Nùng-thiện-Mỹ và bảy trăm thuộc-dân, Lưu-Di đến thư ấy, không lâu Vua Tàu. Vua ta giận lắm, sai Lý-thường-Kiệt và Tôn-Đản đem hơn mười vạn quân, chia ba đường sang đánh Tống: Một đường từ Phú-Quảng-châu, một đường từ Khâm-châu, một đường từ cửa ải Côn-lâu, Thường-Kiệt đem quân liền hãm được châu Khâm, châu Liêm, giết 8.000 quân Tống (K. đ., q. 3, tờ 35 b). Sử-ký của ta (q. 3, tờ 14 a) và Cương-mục của ta (q. 7, tờ 7 a) đều chép « giết thổ-dân (dân bản-thổ) 8.000 người. »

Lúc bấy giờ quân Tôn-Đản đến đánh châu Ung, Chức-Đô-giám tỉnh Quảng-tây là Trương-thủ-Tiết đem quân đến cứu, Thường-Kiệt đón đánh ở cửa ải Côn-lâu (ở phía đông bắc huyện Tuyên-hóa Phú-Nam-ninh, tỉnh Quảng-tây), quân Tàu thua to, quân Thường-Kiệt chém Thủ-Tiết tại trận. Vua Tống nghe việc ấy, bắt tội Thâm-Khởi đẩy ra Dĩnh-châu yên-trí mà xóa tên Lưu-Di ở trong sổ làm quan, (Khâm-dịnh Việt-sử, q. 3, tờ 35 a-b và Sử-ký bản-ký, q. 3, tờ 14 a-b; Ngự-chế Việt-sử tổng-vĩnh, q. 7, tờ 5 a). Đoạn này Sử-ký toàn-thư chép

vào tháng 2 năm ất-mão (1075). Khâm-dịnh Việt-sử (q. 3, tờ 36 a) có mục cần-án rằng: « Cựu-sử chép tháng 2 năm ấy (1075) Thường-Kiệt đánh Tống hãm châu Khâm-châu Liêm, Tôn-Đản vây châu Ung hơn bốn-mươi ngày. Nay cứ sách Cương-mục thực-biến của Tàu chép « năm Ất-mão (1075) mùa đông tháng 11, Giao-chỉ cắt đại quân vào cướp, hãm châu Khâm, châu Liêm, năm Bính-thìn (1076) mùa xuân tháng giêng, hãm châu Ung » Vậy thì việc đánh Tống bắt đầu từ mùa đông năm 1075, hãm Khâm, Liêm vào tháng 11 ta, hãm châu Ung vào tháng giêng ta năm sau (1076). Cựu-sử chép nhầm nay cải chính. »

(Còn nữa)

Ung-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Sách mới

TRUYỆN DI THƯỜNG

(Histoires extraordinaires)

của Edgar Poe

Bản dịch của Mộng Huyền

Giá 4\$50

TÌM NGHĨA VĂN HỌC

của NG. HUNG PHẤN

Giá 2\$20

TRIẾT HỌC

ARISTOTE

của NG. ANH NGHĨA

Giá 3\$80

LY TAO

của KHUẤT NGUYỄN

Giá 6\$00

Bản dịch của Nhượng Tống

Sắp có bản

Chính Trị Đại Cương

của NG. PHƯƠNG NAM

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT

29, Lamblot - Hanoi

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 4)

Tháng 7 năm ấy (858), dân châu Giao khởi loạn, nhân nửa đêm đánh trống reo hò vào vây phủ - thành, nói rao lên rằng: « Kinh-lược-sứ là Chu-Nhai sai huy hạ gọi là hoàng-dầu-quân (quân đầu vàng vượt bể đến đánh úp, xin đưa đồ-hộ về Tàu, ta đóng đồn thành này để chống cự quân hoàng-dầu » Vương-Thức đương an, có kẻ khuyên Thức tránh đi, Thức nói rằng: « Ta nhả chân, thì quân trong thành tan hết ». Rồi thong thả ăn xong, mặc áo giáp đem tả hữu lên thành, đứng chờ đại-tướng, rồi ngồi nói phải trái, những quân làm loạn lại yên, sáng hôm sau bắt giết hết những quân khởi loạn.

Châu Giao bấy giờ đói kém, loạn lạc, đến sáu năm không cung cấp người Tàu, trong quân không khao thưởng. Vương-Thức bấy giờ mới sửa soạn lệ cống-chức, khao thưởng quân-sĩ, nước Chiêm-thành, Châu-lạp, lại sai sứ thông-hiệp, và giả lại những người dân châu Giao đã bắt (Trên này dịch theo Khâm-định, liên biên, q. 4, tờ 37 b 33 a và 38 b, đầu Đường thư và An-nam kỷ-yếu).

Còn Đại-việt sử-ký Tiền biên, (q. 6, tờ 14 a và b) Sử-ký toàn-thư (q. 5, tờ 9 a và 9 b), Việt-kiều thư (q. 4, tờ 11 a và 11 b), An-nam chí nguyên (q. 2, trang 160) đều chép như sau này:

Trước kia đồ-hộ là Lý-Trác, chính sách tham-lam dủ-ác, mua bán ở chợ, thường lấy ép một con trâu một con ngựa, chỉ giả một bọc muối, lại gết từ-trưởng là Đỗ-lễn-Thành, các

họ khác đều la-oán, dẫn người Nam-Chiếu đến xâm lấn chỗ bên-giới. Của Nam-Chiếu là Phong-Hựu sai tướng là Đoàn-lữ-Thiên đến hãm lấy An-nam đồ-hộ-phủ, gọi là Bạch-ý một nghìn quân.

An-nam có người ở Đào-lâm, châu Phong, ở động Thất-quản, thuộc Lâm-lâm, tên họ là Lý do-Độc lòng nom, Lãng năm có quân đóng ngoài biên, gọi là Phòng-thủ hoặc phòng đông, thường giúp Trung-quốc thu thuế má. Người coi châu Phong nói với Trác, xin triệt quân thú ngự, chuyên giao cho Lý do-Độc trông coi. Từ bấy giờ thế của Do-Độc càng ngày càng kém. Không thể tự-lập được: tiết-độ-sứ của Thác-dông thuộc nước Nam-Chiếu, đưa thư triệu Do-độc, rồi đem con gái gả cho con Do-độc, bỏ chức ở Thác-dông Thác-nha, Do-Độc bèn đem quân-chúng theo bọn Mạn. An-nam mới có cái tai-vạ ở ngoài biên-giới.

Tháng 5 năm ấy 858 quân Mạn lại ăn cướp, Vương-Thức đuổi được. Mùa thu tháng 7 năm ấy (858) có bọn ác-dân thường khởi loạn, nói rao lên rằng: « Kinh-lược-sứ là Chu-Nhai (lúc bấy giờ ở Quảng-Châu), sai huy-hạ gọi là hoàng-dầu-quân (đội mũ vàng, nên gọi là quân đầu vàng) vượt bể lại đánh úp quân ta, cùng nhau nửa đêm vây thành Giao-chỉ, đánh trống reo xin đưa đồ-hộ (Vương-Thức) về Tàu, ta muốn đóng ở thành này, để chống nhau với quân hoàng-dầu ». Thức đương ăn cơm, có người khuyên Thức tránh đi, Thức nói rằng: « Ta nhả chân lên, thì quân giặc tan », cứ thong thả ăn xong bữa cơm, mặc

áo giáp đem tả hữu lên thành, đứng chờ đại-tướng, rồi ngồi trách mắng, những quân khởi loạn lại chạy. Sáng hôm sau bắt giết hết cả. Lúc bấy giờ kém đói luôn, sáu năm không nộp thuế quan trên, trong quân không khao thưởng. Thức mới sửa soạn cách thuế cống liên nộp thuế, khao thưởng quân-sĩ, nước Chiêm-thành Chân-lạp đều lại thông sứ.

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

ĐÓN COI:

sau tiểu thuyết Cháy Cung
Chương Vô sẽ đăng tiếp

I — AN TU

AN TU

AN TU

II — AN TU, một tuyệt tác của Nguyễn Huy Tưởng một công trình đồ sộ, một sự cố gắng dài đi đến một tác phẩm hoàn toàn, đứng đầu. An Tư hay là một tiểu thuyết có tính cách anh hùng ca, sẽ đăng sau CHÁY CUNG CHƯƠNG VÔ.

III — Các bạn đón coi AN TU, nàng công chúa đẹp như hoa, cảnh ngộ như Iphigénie, sự tình như Tây Thi, bật nổi giữa những anh hùng cứu quốc và 50 vạn quân Mông-cổ xâm-lấn. Bấyng người bút linh động, tác giả làm sống lại thời kỳ vẻ vang nhất trong quốc sử, trình bày những nhân vật kỳ kiệt, nêu rõ tinh thần và sinh lực giống nổi, má đại biểu chính là dân chúng vô danh, ôn ào và quyết liệt, động cơ duy nhất trong công cuộc trùng hưng đời Trần.

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHẠY CUNG CHUƠNG VÕ

Số 22

CHU-THIÊN

Tên lính vẫn quý vẫn lễ phép thưa :

— Thấy công-tử mãi vui chơi là một, không nhận rõ kẻ thù là ai, tiều-tốt vẫn ấy nấy thay công-tử hai điều đó.

— Chú nói lạ nhỉ ! Khởi sự đánh kẻ thù binh còn ít, tướng không đủ, phải đợi luyện sĩ. Trùng khi ấy mà ta không đi thăm rừng thăm núi, xem thiên thời, xem địa lợi, xem lòng người, thì chú bảo ta ngồi ủ dủ mà chết à ! Còn bảo kẻ thù ta không nhận rõ, thì chú nói ý thế nào ta không hiểu.

Người lính lắc đầu nói :

— Kẻ thù ở ngay cạnh vách, mà công tử không biết, tiều-tốt cũng cho là một sự lạ. Tiếc cho tiên-vương gây trước...

Không đợi họ hẳn nói hết câu, công-tử Đoàn-Vân nổi nóng, tuốt kiếm toan chém. May lúc ấy, Kim-Vân công chúa vừa ở trong điện đi ra liền chạy đến can xin, hỏi rõ đầu đuôi, và đuổi tên lính kia chạy vội đi. Chàng kể qua lại cho công-chúa nghe, và vẫn còn hăm hăm giận dữ, giậm chân quát :

— Ta phải giết nó đi mới được nó nói láo !

Kim-Vân công-chúa hết sức van xin :

— Chấp làm gì nó. Nó là phận hèn lâu hạ, biết thế nào được việc của mình...

— Nhưng mà nó nói láo... rồi mang tiếng cả ! Phải giết.

Thôi xin anh nguôi giận. Nó có nội thể ra nữa, cũng là vì nó tức anh nhân rồi hay đi dong chơi. Thôi tha cho nó, chấp làm gì !

Thấy Đoàn công-tử vẫn một mực kháng kháng như vậy, không thuận nét mặt lại, công chúa sợ phải cho người về tâu với vua Chương-Võ. Ngài vội vàng chạy ra xét hỏi rõ sự thể, khuyên xin Đoàn công-tử, dúi giắt chàng về cung và truyền tha tội cho tên lính. Nhân việc ấy, ngài lại càng thêm tin cậy ở chàng lắm.

Tin ấy đồn ra hòa với tin giết người trước làm cho khắp cả các thần dân miền Bắc tôn thờ vua Chương-Võ, đều kính phục Chàng, trọng tài thông minh xét đoán ở chàng. Đã quý mến chàng, nay họ lại quý mến gấp bội, quý mến đến tôn thờ, và họ mừng chàng rất xứng đáng được lấy công chúa Kim-Vân. Thật là đôi lứa thần tiên. Nhưng còn những người miền Đông, tức giận vì Vua Chương-Võ xui giục Đông hải đại vương đánh giặc, để ngài phải thiệt thân, được tin ấy bao nhiêu mong-mỏi ở chàng, họ đều đề tiếu tán bết, họ không ưa chàng, đến khi ghét bỏ nữa. Và họ tin không lẽ nào còn bàn bạc với chàng được điều gì nữa, rồi họ quên chàng dần, quên tưởng chàng không còn có trên cõi đời này nữa. Nhưng chỉ trong dân gian thế thôi. Còn

ở các hàng quân - sĩ, ở các bậc tráng sĩ, các tướng tá giúp việc Đoàn Đông hải đại vương trước, ai cũng đều nhớ đến chàng, cũng còn tin mong ở chàng. Họ thấy chàng mãi vui chơi với Kim-Vân công chúa mà quên cả thù, bỏ cả nghĩa họ vừa tức vừa lo lắng cho cái thanh danh chàng sau này, nên họ vẫn mong ở dịp cảnh tỉnh chàng, và họ giao cho một bạn chuyên ở quanh Thành đình đón chàng đề khuyên can chàng, đánh thức chàng và thúc giục chàng.

Công việc ấy họ nhờ đến những quân lính trung thành cảm-lữ đã làm việc lâu năm dưới trướng Đông hải đại Vương hay dưới quyền các bậc tráng-sĩ đại danh. Những người ấy đã cố công bền chí dính dôi mà phần nhiều không được gặp, hoặc gặp đều bị đuổi và dọa giết như hai người trước kia. Tuy vậy họ vẫn không nản lòng, lấy công việc làm trọng, nghĩa làm lớn họ vẫn vui vẻ đợi dịp quyết làm cho kỳ được việc. Thế nên một hôm Đoàn công-tử vừa phóng ngựa ra đến chân núi Chè, thì một người lính phóng ngựa đuổi theo vừa gọi :

— Công-tử ! Thưa công tử. Dừng lại cho tiều-tốt chúc tụng và dâng một đôi lời !

Chàng ghì cương dừng lại. Tên kia phóng vụt lại và hoán ngựa

nhảy tọt xuống, lấy nhào. Đoàn công tử cau-có hỏi:

— Anh hỏi gì?

Người lính đứng gần lại thưa:

— Bầm công-tử, công-tử quên tiều-tốt, mà công tử chớ quên cũng phải.

Đoàn Văn gợn dử quát:

— Thằng này lão, hỏi gì nói mau không ta chém!

Chàng tuốt kiếm ra, nhưng người lính vẫn tươi tỉnh không lộ vẻ sợ hãi nói:

— Bầm công-tử, công-tử quên tiều-tốt, cái ấy không sao. Nhưng quên nghĩa cả thù sâu, nên tiều-tốt cần phải nhắc. Người dãi tin thờ trung nghĩa có khi nào sợ chết.

Đoàn Văn chùng chùng nhìn người lính và nói:

— Ta quên hay nhớ anh biết được à? anh đến đây nói láo?

— Bầm công-tử, nhớ ơn đức tiên vương, tiều-tốt thiết tưởng phải có phận sự theo dõi công-tử và nhắc công-tử nhớ lại... Vả tiều-tốt còn mang theo mệnh lệnh của nghĩa-sĩ Vân-côi!

— Nghĩa-sĩ Vân-côi sai anh đến! Đến đây mà giờ trở ra như thế à? Anh khôn hồn thì về đi! Về bảo với nghĩa-sĩ là ta không cần phải ai nhắc cả?

— Tiều-tốt không về! Một khi công-tử chưa nghĩ đến thù nhà...

— Anh còn lười thôi, ta chém chết ngay!

Giữa lúc ấy, công-tử Thập-Nguyên cũngưỡi ngựa vượt đến, thấy về mặt Đoàn Văn đàm-dam đỏ bừng, liền hỏi:

— Việc gì vậy anh?

Đoàn Văn không nói. Người lính kia điềm nhiên lên tiếng:

— Đoàn công-tử mãi vui chơi quên cả nghĩa lớn. Mà công-tử Thập-Nguyên ở liên đây cũng không biết can ngăn!

Đoàn Văn nhảy xuống ngựa xông lại, Thập-Nguyên vội chạy cản công-tử lại, và quát mặt mắng người lính:

— Anh không được nói láo!

Người này bây giờ mới hùng-hồ, tuốt kiếm ra xông lại hai chàng và nói răn giới:

— Ta lại há sợ chết à? Ta chỉ thương các người cũng mang danh tráng sĩ mà lãng bỏ cả phận sự đi vui thú với sự an-nhàn, phụ cả kỳ-vọng của tiên-vương... Ta có cần gì sống để mà trông thấy những sự như nhục ấy.

(Còn nữa)
CHU-THIÊN

do Quảng-Vạn-Thành phát hành sắp in xong

ĐỜI DOÀN-THIẾ

của Hải-Tùng — « Tam Hữu » xuất bản

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Sách dày ngót 150 trang giấy ta, có 17 mục: 1. Trú-dự và Công-dức — 2. Gi-nhân và Xã-hội — 3. Xã-hội và các loại xã-hội — 4. Xã-hội muốn đứng vững và tiến bộ cần những điều kiện gì — 5. Quan-niệm về xã-hội của nước ta — 6. Vì đâu quan-niệm về xã-hội của người Việt-Nam không được chính xác? — 7. Quan-niệm về xã-hội không được chính-xác gây ra những tệ-hại gì? — 8. Người Việt-nam ngày nay nên có quan-niệm về xã-hội như thế nào? — 9. Mấy nguyên-tắc chính nên chú ý vào khi ta muốn dựng một xã-hội chắc chắn. — 10. Tinh-thần hợp tác. — 11. Tinh-thần giữ kỷ-luật. — 12. Tinh-thần chịu trách-nhiệm và giữ trách-nhiệm — 13. Tôn trọng việc công và của cố-ig. — 14. Giữ lễ — 15. Làm việc cho xã-hội. — 16. Lòng bác-á. — 17. Dựng cơ-quan nào dựng nền công-dức ở xã-hội ta. Giá bán lẻ 2\$00

Vị nào gửi liền mua trước ngày 30 Jun 1914, xin trả 20% trước giá không phải chịu

Cùng các vị thân chức Thư-quản, xin chú ý rằng như sách do Quảng Vạn Thành phát hành đều là sách chọn lựa cần thận, vị nào muốn cần bao nhiêu xin kíp viết thư thương-lượng, kíp lại nhớ như quyền Văn liệu Từ-điều năm ngoái, có vị biết đến thì đã hết rồi.

Cùng các nhà văn. — « Tam-Hữu » bản này chúng tôi, mỗi công-hiến quốc-dân những sách có giá-trị, vậy trong hải-nộ xã-hội, vị nào có tác-phẩm gì — hoặc sáng-tác, hoặc phê-định, nhất về pho-thông họ-tử — xin cho biết, chúng tôi sẽ tìm đến, trân trọng cảm-xip, lẽ tất nhiên không dám để phụ lòng những bậc-văn-hào hạ cổ-tôn yêu-tới.

Mọi việc giao-dịch, xin do: Quảng-Vạn-Thành

16 phố Lê-Lợi Hanoi — 51 phố Doumer Haiphong

Thư-xã Alexandre de Rhodes

ĐÃ XUẤT BẢN

BÓNG TRE XANH

của Kỳ-Tâm ĐỒ-THUC VINH

Một cuốn tiểu-thuyết tả đời sống ở thôn-quê, đã được giải-thưởng GIA-LONG của hội ALEXANDRE de RHODES năm 1913.

Lời phê của Cụ Thượng Phạm : « Cuốn này dàn-xếp rất khéo, lời văn giản-dị, tự-nhiên, đọc lên thấy lý-thú và cảm động... »

Sách dày 180 khổ 12 x 19

Bản thường... 1\$50

Bản giấy Đại La... 6\$00

cước... 0\$47

Tổng phát hành

MAI-LINH

21, rue des Pipes Hanoi

Sắp có bán

CỤC ĐÔNG

cổ sử

của Nguyễn Đức Quỳnh

Nghiên cứu về lịch sử địa dư, kinh tế, chính trị của Trung quốc và AN ĐỘ

Đã có bán

NGUYỄN CÔNG TRỨ

của NGUYEN BÁCH KHOA

dày 400 Trang giá 6\$00

Mua một cuốn gửi thêm 0\$80 cước

Không bán lẻ hóa giao ngân

HÀN THUYỀN 71 Tiên Tsin — Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC

SỬ LƯỢC

của PHAN KHOANG

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh lồi cõ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại ;

Loại thường bán 6\$00 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$00 cước 0\$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LINH Hanoi

QUỐC HỌC THỤ XÃ

Mới phát hành

VIỆT HOA THỐNG SỬ

Giá 5\$00

Sắp phát hành

Lược-luận về PHỤ-NỮ VIỆT-NAM

Luận-lý DU-THUYẾT YẾU THUẬT

LỊCH - SỬ - BÁO - CHÍ hoàn cầu

NGHỆ - THUẬT và DANH - GIAO



mua sách, đặt sách, xin viết cho

M. LÊ VĂN HOÈ

16 bis Tientsin Hanoi

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur - gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95-97 Chanceaulme, Hanoi